



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ



Báo Cáo Thường Niên Năm 2015

MỤC LỤC

1. THÔNG ĐIỆP

Tầm nhìn
Sứ mệnh
Thông điệp của chủ tịch

2. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề kinh doanh
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức, các Công ty con, Công ty liên kết
Định hướng phát triển

3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình thực đầu tư
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ phần, cổ đông

4. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kết quả hoạt động kinh doanh
Tình hình tài chính
Triển vọng và kế hoạch tương lai
Kế hoạch phát triển kinh doanh

5. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của Ban Giám Đốc
Kế hoạch, định hướng của HĐQT

6. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát
Thông tin cổ đông

7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG DIỆP

Tầm nhìn

“Phân đầu đạt kim ngạch xuất khẩu 1 tỷ USD trong vòng 05 năm tới và trở thành Công ty chế biến xuất khẩu tôm hàng đầu thế giới”

Sứ Mệnh

“Đưa con tôm Việt Nam vươn tầm Thế giới”



Thông Điện Của Chủ Tịch

Kính thưa Quý cổ đông!

Năm 2015 vẫn là một năm khó khăn cho ngành thủy sản thế giới và Việt nam, cụ thể là giá tôm thành phẩm và tôm nguyên liệu xuống thấp nhất trong 05 năm gần đây, nguyên nhân là do giá đầu thế giới giảm, đồng tiền các nước Ấn độ, Indonesia thay phiên nhau phá giá nên giá bán tôm từ những nước này rất rẻ, bình quân giá giảm 30%-40% so với năm 2014. Trong khi đó, giá tôm trong nước lại cao do chi phí nuôi tôm cao, chất lượng tôm từ Việt Nam sụt giảm dẫn đến tôm Việt Nam xuất khẩu không đủ sức cạnh tranh về giá và chất lượng, và hệ quả là không đạt được kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Mặc dù Minh Phú không đạt được kế hoạch kinh doanh 2015, nhưng vẫn duy trì tốt mối quan hệ khách hàng, duy trì chất lượng ổn định, đảm bảo đủ nguồn hàng đáp ứng chẳng những khách hàng hiện tại và khách hàng mới, hạn chế mức thiệt hại nhất từ việc cạnh tranh với các nước và đó là thành công của Minh Phú trong năm 2015, và là sự chuẩn bị tốt nhất cho thành công của Minh Phú trong năm 2016

Năm 2016 vẫn được đánh giá là một năm khó khăn cho ngành xuất khẩu thủy sản nhưng với lợi thế là một trong những tập đoàn sản xuất và chế biến tôm hàng đầu thế giới có qui trình nuôi trồng, sản xuất khép kín từ sản xuất con giống sạch bệnh, chuỗi cung ứng tôm bền vững, nuôi tôm thương phẩm sạch có chứng nhận BAP, ASC và truy xuất nguồn gốc đến chế biến tôm xuất khẩu. Với ưu thế về công nghệ nuôi tôm cũng như công nghệ chế biến tôm xuất khẩu, đặc biệt là các mặt hàng tôm giá trị gia tăng đòi hỏi hàm lượng công nghệ cao, điều này giúp cho khả năng cạnh tranh của Minh Phú vượt trội không những đối với các doanh nghiệp sản xuất chế biến tôm trong nước mà còn trên thế giới.

Với chiến lược tầm xa và luôn tiên phong đảm bảo môi trường, cũng như đảm bảo các chính sách an sinh xã hội cho người lao động và không ngừng cải thiện, nâng cao chất lượng tôm xuất khẩu. Là một trong những công ty thủy sản có tầm ảnh hưởng lớn nhất trên thị trường thế giới, hơn ai hết, Minh Phú nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình không chỉ đối với lĩnh vực sản xuất và kinh doanh, chúng tôi luôn mong muốn phát triển doanh nghiệp theo hướng bền vững đảm bảo cân bằng các giá trị liên quan đến môi trường, xã hội và con người. Để ngành tôm được phát triển bền vững với lợi nhuận ngày một nâng cao và hài hòa giữa các khâu trong chuỗi sản xuất, chế biến, xuất khẩu và phân phối tôm năm 2016 Minh Phú xây dựng các “Chuỗi giá trị tôm có trách nhiệm”. Đó là bước đột phá của ngành tôm Việt Nam cũng như ngành tôm của toàn cầu. Đây là chuỗi giá trị tôm mà thông qua đó chúng tôi có trách nhiệm đối với môi trường, xã hội, với người lao động, trách nhiệm về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm xuyên suốt trong từng chuỗi giá trị

Nhân dịp này Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty xin gửi lời cảm ơn tới các đối tác, các cơ quan hữu quan và toàn thể cổ đông về sự hợp tác giúp đỡ và tin tưởng đối với công ty Minh Phú trong suốt thời gian qua. Với sự hợp tác giúp đỡ và tin tưởng đó, Minh Phú sẽ tiếp tục phát triển ổn định, phát triển bền vững và vẫn là công ty hàng đầu của Việt Nam về xuất khẩu tôm trong giai đoạn tới.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc kính chúc toàn thể cổ đông và cán bộ công nhân viên Tập đoàn thủy sản Minh Phú cùng gia đình lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng kính chào!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ VĂN QUANG



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : **Tập đoàn Thủy Sản Minh Phú**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số :
 - + 6103000072 ngày 12 tháng 5 năm 2006
 - + 6103000072 (điều chỉnh lần 1) ngày 25 tháng 5 năm 2007
 - + 6103000072 (điều chỉnh lần 2) ngày 12 tháng 11 năm 2007
 - + 2000393273 ngày 23 tháng 6 năm 2010
 - + 2000393273 (điều chỉnh lần 2) ngày 15 tháng 10 năm 2014
 - + 2000393273 (điều chỉnh lần 5) ngày 15 tháng 12 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

- Vốn điều lệ : 700,000,000,000 đồng
- Vốn chủ sở hữu : **2.243.559.977.332 đồng**
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Phường 8, Tp.Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Số điện thoại : (84-780) 820 044
- Số fax : 078. 0366 8795
- Website : www.minhphu.com
- Mã cổ phiếu : **MPC**

Quá trình hình thành và phát triển

1992

- Doanh nghiệp tư nhân cung ứng hàng xuất khẩu Minh Phú được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 120 triệu đồng, ngành nghề kinh doanh chính là thu mua, chế biến thủy sản để cung ứng cho các đơn vị trong nước xuất khẩu

1998

- Ngày 01 tháng 07 năm 1998, được đổi tên là Xí nghiệp chế biến thủy sản Minh Phú và đồng thời tăng vốn điều lệ lên thành 5 tỷ đồng.

2002

- Tháng 12 năm 2002, Xí nghiệp chế biến thủy sản Minh Phú được giải thể và thành lập Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Minh Phú - TNHH với vốn điều lệ là 90 tỷ đồng, ngành nghề kinh doanh chính của công ty là thu mua chế biến hàng thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu

2006

- Chuyển từ mô hình công ty TNHH sang công ty cổ phần
- Ngày 27/12/2006 cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với 60.000.000 cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu

2008

- Ngày 25 tháng 06 năm 2008, Góp vốn vào Công ty Mseafood USA 20 triệu USD chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty Mseafood.
- Ngày 08 tháng 07 năm 2008, thành lập Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú với vốn điều lệ 4,5 tỷ đồng. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú sở hữu 100%.

2009

- Ngày 17 tháng 08 năm 2009, Khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Minh Phú-Hậu Giang công suất 40.000 tấn thành phẩm/ năm với vốn đầu tư khoảng 50 triệu USD

2010

- Ngày 23 tháng 06 năm 2010, đổi tên công ty thành Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú.
- Ngày 26 tháng 05 năm 2010, thành lập Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú với vốn điều lệ 20 tỷ đồng. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú sở hữu 100%.
- Ngày 11 tháng 11 năm 2010, thành lập Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú- Lộc An với vốn điều lệ 50 tỷ đồng. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú sở hữu 100%.

2011

- Ngày 15/02/2011, tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Lộc An từ 50 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng, Công ty mẹ Minh Phú sở hữu 100 %.
- Ngày 26/07/2011, tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH chế biến Thủy sản Minh Phú – Hậu Giang từ 500 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng, Công ty mẹ Minh Phú sở hữu 97.5%.
- Ngày 6/12/2011 thành lập công ty TNHH MTV nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Hòa Điền với vốn điều lệ 250 tỷ đồng, Công ty mẹ Minh Phú sở hữu 100%

2012

- Ngày 18/10/2012 giải thể công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản Minh Phú Ninh Thuận

2013

- Ngày 19/10/2013 Tập đoàn thủy sản Minh Phú đạt được thỏa thuận chào bán riêng lẻ 26,67 triệu cổ phiếu, tương đương 30.77% cổ phần của Công ty con là Công ty thủy sản Minh Phú Hậu Giang cho Công ty TNHH Mitsui & Co (Asia Pacific) – Công ty con tại Singapore thuộc tập đoàn Mitsui
- Ngày 18/11/2013 chuyển đổi tên Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang thành Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú Hậu Giang và tăng vốn điều lệ lên 866.666.670.000 đồng, trong đó Công ty cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú sở hữu 67,5%, Công ty TNHH Mitsui &

Co (Asia Pacific) sở hữu 30,8% và ông Nguyễn Thanh Cần sở hữu 1,7%

2014

- Công ty đã thực hiện mua cổ phiếu quỹ 2 lần, lần 1 từ ngày 07/04/2014 tới 07/05/2014 và lần 2 từ ngày 07/11/2014 tới 07/12/2014. Do mua cổ phiếu quỹ nên số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện nay là: 68.462.850 cổ phiếu
- Thành lập mới công ty con với 100% vốn của Minh Phú: Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú, địa chỉ: ấp Phú Thạnh, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, vốn điều lệ: 2 tỷ đồng
- Giải thể Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền (Mã số DN: 1701635962 do Sở KHĐT Kiên Giang cấp ngày 22/12/2011; và có địa chỉ tại: Tổ 2, Ấp Càng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang), giao tài sản của Minh Phú Hòa Điền cho Minh Phú Kiên Giang khai thác quản lý.

2015

- Ngày 14/04/2015 đầu tư sở hữu thêm 10% vốn góp của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang (MS 6300108975 do Sở kế hoạch Đầu tư Hậu Giang cấp ngày 24/02/2010, địa chỉ tại ấp Phú Hưng, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang) bằng cách mua lại vốn góp của cổ đông hiện hữu để nắm giữ 50% vốn tại Công ty này. Giá mua bằng với mệnh giá
- Ngày 06/07/2015 Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang (Tập đoàn Thủy sản Minh Phú sở hữu 50%, Cty CP Thủy sản Minh Phú Hậu Giang sở hữu 49.9%) đã đạt được thoả thuận với GMD để tham gia đầu tư vào Công ty CP Mekong Logistics. Theo đó, Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang sở hữu 49%, và bên GMD sở hữu 51% Công ty cổ phần Mekong Logistics. Công ty CP Mekong Logistics sẽ triển khai Trung tâm logistics tại KCN Sông Hậu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang với quy mô 15ha, vốn đầu tư khoảng 670 tỷ đồng
- Thành lập mới công ty con với 100% vốn của Minh Phú: Công ty TNHH Kho Vận EBISUMO (EBISUMO LOGISTICS), địa chỉ Phòng 705, Tầng 7, Toà nhà Yunihaitsu Kachidoki, số 3-32-1, phường Tsukushima, quận Chuo, thành phố Tokyo, Nhật Bản, với vốn điều lệ 600,000 USD. Lĩnh vực hoạt động Công ty là xuất nhập khẩu và giao nhận thủy sản và các dịch vụ liên quan tại thị trường Nhật Bản.

Các sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty

1998

Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Phú với công suất 5.000 tấn thành phẩm/năm

2000

Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Quý với công suất 7.000 tấn thành phẩm/năm

2006

Chính thức tham gia vào hoạt động nuôi tôm thương phẩm với sự ra đời của Công ty nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Kiên Giang

Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Phát với công suất 7.000 tấn thành phẩm/năm

Khánh thành và đưa vào hoạt động Trại sản xuất con giống Ninh Thuận với công suất thiết kế 5 tỷ tôm post /năm

2010

Nâng công suất cơ sở chế biến tôm xuất khẩu ở Cà Mau lên 36.000 tấn thành phẩm /năm

2011

Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Phú Hậu Giang với công suất 40.000 tấn thành phẩm/năm

2012

Ngày 18/10/2012 giải thể công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản Minh Phú Ninh Thuận

2013

Giải thể Công ty TNHH một thành nuôi tôm sinh thái Minh Phú theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2013 ngày 16/05/2013 số 01/NQĐHMP13

Chuyển đổi Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang thành Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú Hậu Giang

2014

Đầu tư 3,9 tỷ đồng vào Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật nuôi trồng thủy sản Minh Phú Aquamekong (MST: 0312398643, địa chỉ 36 đường số 18, KP7, P. Linh Đông, Q. Thủ Đức, Tp.HCM) để nắm giữ 48,7% vốn điều lệ công ty này.

Thành lập mới công ty con với 100% vốn của Minh Phú: Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú, địa chỉ: ấp Phú Thạnh, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang ,vốn điều lệ: 2 tỷ đồng

Giải thể Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền (Mã số DN: 1701635962 do Sở KHĐT Kiên Giang cấp ngày 22/12/2011; và có địa chỉ tại: Tổ 2, Ấp Càng, xã Hòa Điền, huyện Kiên

Lương, tỉnh Kiên Giang), giao tài sản của Minh Phú Hòa Điền cho Minh Phú Kiên Giang khai thác quản lý.

Ngày 25-09-2014 phát hành 500 tỷ đồng trái phiếu ghi sổ không chuyển đổi kỳ hạn 3 năm lãi suất 9,65% năm, Sau khi hoán đổi CCS sang lãi suất USD lãi suất TP còn phải trả là 4,5%/năm.

2015

Ngày 11/06/2015 Công ty CP Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú phát hành 1,000 tỷ đồng trái phiếu ghi sổ không chuyển đổi kỳ hạn 5 năm lãi suất cố định 7.5%/năm.

Ngày 03/07/2015 Công ty CP Thủy Sản Minh Phú Hậu Giang phát hành 1,000 tỷ đồng trái phiếu ghi sổ không chuyển đổi kỳ hạn 5 năm lãi suất cố định 7.5%/năm. Tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu được sử dụng để cơ cấu lại các khoản nợ của Công ty tại các tổ chức tín dụng



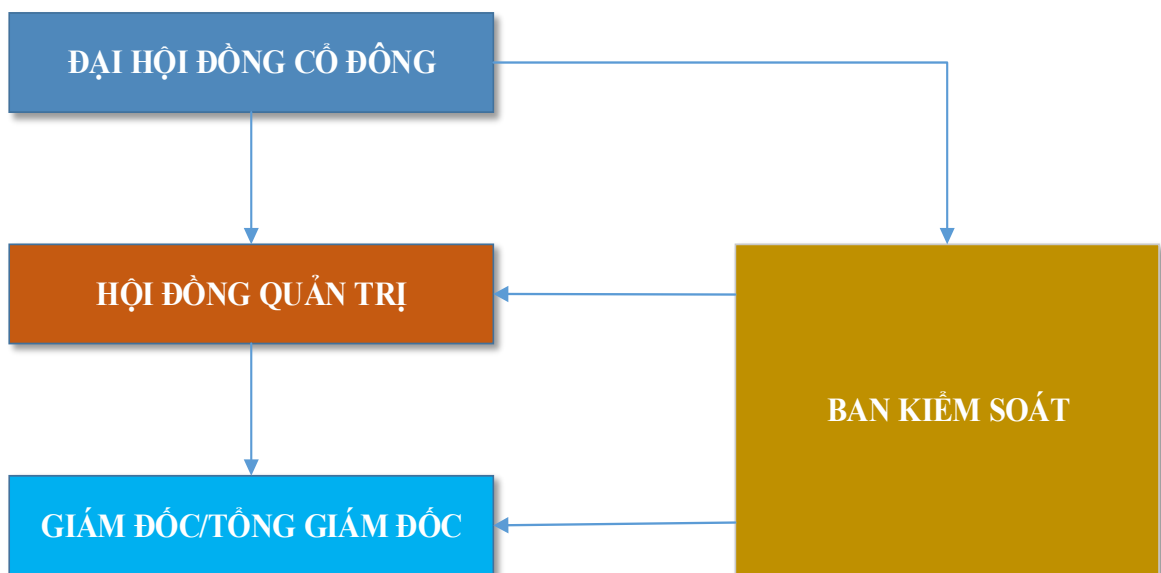
Ngành nghề kinh doanh

- ☐ Chế biến, xuất khẩu hàng thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu về chế biến hàng xuất khẩu
- ☐ Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu, bán buôn thực phẩm
- ☐ Nhập máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu
- ☐ Kinh doanh bất động sản, kinh doanh toà nhà cao ốc, văn phòng cho thuê, đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.
- ☐ Nuôi trồng thủy sản, kinh doanh giống thủy sản, kinh doanh thức ăn thủy sản và tư máy móc thiết bị, sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản.
- ☐ Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác
- ☐ Vận tải hàng hoá đường bộ, cho thuê xe có động cơ

Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức, các công ty con, công ty liên kết

Mô hình quản trị

- ❑ Mô hình quản trị Tập đoàn Thủy Sản Minh Phú được xây dựng trên quan điểm bảo vệ quyền lợi và lợi ích cho các cổ đông, đặc biệt là các cổ đông thiểu số, mô hình Tập đoàn Minh Phú có Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm soát, với mô hình này nghĩa vụ của người quản lý, nhất là đối với thành viên HĐQT và TGD, đặc biệt là nghĩa vụ trung thành, trung thực, qui định rõ điều kiện và tiêu chuẩn của các chức danh quản lý trong Tập đoàn, tăng thêm qui định về công khai và minh bạch hoá, nhất là đối với những người quản lý, nâng cao, tăng cường và qui định cụ thể hơn vai trò, vị trí và trách nhiệm của Ban kiểm soát.



Cơ cấu tổ chức



Các Công ty con, công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết							
STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ	Đơn vị	Hoạt động kinh doanh chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu của Minh Phú	Cổ đông thiểu số
1	Công ty Mseafood USA	22.2	triệu USD	Nhập khẩu, phân phối thủy sản	California, Mỹ	90%	Lê Văn Quang
2	Công ty cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	866.67	tỷ VND	Chế biến tôm xuất khẩu	Châu Thành, Hậu Giang	67.5%	Nguyễn Thanh Cần
3	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Quý	200	tỷ VND	Chế biến tôm xuất khẩu	Tp. Cà Mau	97.5%	Chu Thị Bình
4	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phát	100	tỷ VND	Chế biến tôm xuất khẩu	Tp. Cà Mau	95.0%	Lê Văn Quang
5	Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	150	tỷ VND	Nuôi tôm công nghiệp	huyện Kiên Lương, Kiên Giang	99.1%	Lê Văn Quang
6	Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	30	tỷ VND	Gia hóa, tuyển chọn và sản xuất tôm giống	huyện Ninh Phước, Ninh Thuận	98.5%	Lê Văn Quang
7	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú - Lộc An	150	tỷ VND	Nuôi tôm công nghiệp	Đất Đỏ, Bà Rịa Vũng Tàu	100%	
8	Công ty TNHH MTV sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	4.5	tỷ VND	Sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản	huyện Thới Bình, Cà Mau	100%	
9	Công ty TNHH MTV Chuỗi Cung Ứng Thủy Sản Minh Phú	2	tỷ VND	Cung cấp giống, kinh doanh thủy sản, tư vấn nuôi trồng	huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	100%	
10	Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	200	tỷ VND	Hợp tác đầu tư dự án cảng	huyện Châu Thành, Hậu Giang	50%	Lê Văn Quang

11	Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong	8	tỷ VND	Tư vấn công nghệ nuôi trồng thủy sản, sơ chế bảo quản thủy sản,...	Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, HCM	49%	Trần Hữu Lộc 51%
12	Công ty TNHH Kho vận EBISUMO	600,000	USD	Xuất nhập khẩu và giao nhận thủy sản	Phòng 705, tầng 7, toà nhà Yunhaisu Kachidoki, phường Tsukushima, Quận Chuo, TP.Tokyo, Nhật Bản	100%	

Định hướng phát triển

Mục tiêu của công ty

- ☐ Tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng
- ☐ Minh phú tiếp tục phân đầu vẫn là công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu của Việt Nam.
- ☐ Giữ vững thị trường xuất khẩu hiện có, không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu mới và đặc biệt xây dựng thương hiệu Minh phú thành thương hiệu mạnh.
- ☐ Xây dựng các chuỗi giá trị tôm có trách nhiệm và các chiến lược phù hợp để tiếp cận và thu hút sự tham gia của nhiều thành phần trong chuỗi sản xuất tôm: từ tôm bố mẹ, tôm giống, thức ăn tôm, chế biến xuất khẩu, nhập khẩu và logistics, phân phối và bán lẻ.
- ☐ Hỗ trợ thực hiện đa chứng nhận (BAP, ASC, Global GAP, Naturland, BIO Suisse, EU BIO...) cho các chuỗi giá trị này để mang lại lợi thế cạnh tranh cũng như cơ hội tiếp cận nhiều thị trường và nhiều đối tượng khách hàng hơn cho sản phẩm Minh Phú.
- ☐ Ở Minh Phú, chúng tôi nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường, đối với xã hội và người lao động trong hoạt động sản xuất; trách nhiệm về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm của sản phẩm Minh Phú đối với người tiêu dùng.

Chính vì thế chúng tôi sẽ xây dựng các chuỗi giá trị tôm như sau:

- Doanh nghiệp xã hội Chuỗi giá trị Tôm Rừng có trách nhiệm
- Doanh nghiệp xã hội Chuỗi giá trị Tôm Lúa có trách nhiệm

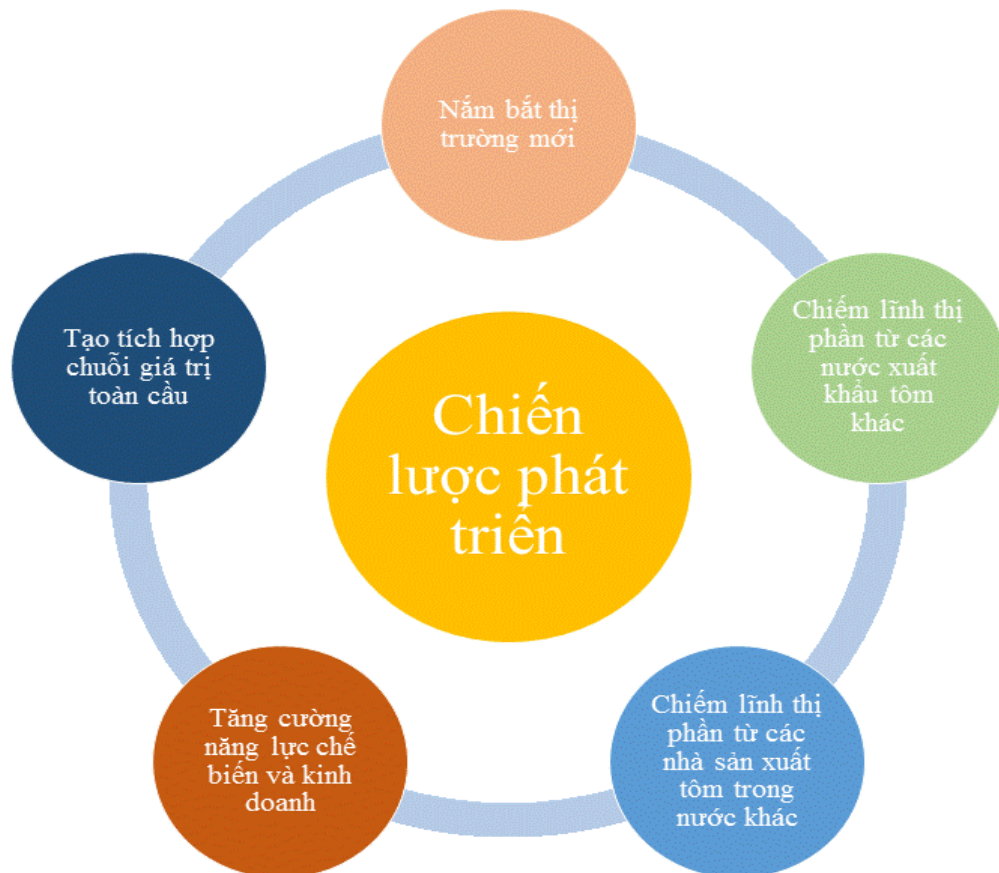
Đồng thời xây dựng Chuỗi tôm có trách nhiệm bao gồm các công nghệ nuôi khác

- Chuỗi giá trị Tôm cá rô phi có trách nhiệm
- Chuỗi giá trị Tôm Copefloc có trách nhiệm
- Chuỗi giá trị Tôm công nghệ cao có trách nhiệm
- Chuỗi giá trị Tôm công nghiệp có trách nhiệm

- ❑ Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, công tác tổ chức nhân sự, tiền lương và không ngừng đào tạo, thu hút nguồn nhân lực giỏi, luôn có chính sách đãi ngộ tốt đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và công nhân lao động

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược phát triển



Chiến lược của Minh Phú trong giai đoạn sắp tới là hình thành các chuỗi giá trị tôm khép kín toàn cầu đưa Việt Nam lên bản đồ với vị trí nhà cung ứng tôm chất lượng hàng đầu. Minh Phú tập trung tạo ra những sản phẩm Tôm có giá trị khác biệt tạo lợi thế cạnh tranh rõ rệt mà các đối thủ cạnh tranh không thể có được.

Trong năm 2015, Minh Phú đã xây dựng chiến lược Chuỗi giá trị tôm toàn cầu, thông qua việc kết nối và khép kín các khâu sản xuất để mang lại hiệu quả sản xuất cao nhất với mức chi phí tối ưu nhất.

Chiến lược phát triển trong năm 2016 và những năm sắp tới

- ☐ Tiếp tục đổi mới qui trình, công nghệ để tối ưu hoá hoạt động sản xuất và bán hàng nhằm nâng tỉ lệ lợi nhuận gộp lên 9% - 10%
- ☐ Nắm bắt thị trường mới, mở rộng thị trường sang Nga và Trung Quốc, đặc biệt Trung Quốc dự kiến sẽ trở thành một trong những thị trường trọng điểm trong thời gian tới.
- ☐ Chiếm lĩnh thị phần từ các nước sản xuất tôm khác, cũng như chiếm lĩnh thị phần từ các nhà sản xuất tôm trong nước khác
- ☐ Tăng cường năng lực chế biến và kinh doanh, củng cố và kiểm soát chất lượng và hiệu quả qua Chuỗi cung ứng
- ☐ Tạo tích hợp chuỗi giá trị tôm & cá toàn cầu. Gắn kết các chuỗi giá trị Tôm liên kết và hợp tác có trách nhiệm tốt từng khâu của Tập đoàn Minh Phú nhằm tạo ra giá trị công hưởng lớn mà các đối thủ cạnh tranh không thể nào có được.
- ☐ Tiêu chí của mô hình chuỗi giá trị có trách nhiệm là từng đơn vị ở từng khâu sản xuất sẽ chịu trách nhiệm đối với công việc và sản phẩm do chính mình làm ra. Từ đó, tạo ra một chuỗi giá trị có trách nhiệm cao nhất và những sản phẩm có chất lượng tốt nhất
- ☐ Mô hình chuỗi giá trị khép kín:



- ☐ Không tiếp tục mở rộng diện tích nuôi mà chỉ tổ chức nuôi hết diện tích nuôi tôm hiện có với qui trình công nghệ nuôi xen với cá rô phi cũng như nuôi theo công nghệ Biofloc để hạn chế bệnh EMS cũng như các bệnh tôm khác
- ☐ Triển khai mạnh mẽ chuỗi cung ứng tôm bền vững Minh Phú để đủ cung cấp tôm chất lượng cao cho Minh Phú chế biến xuất khẩu
- ☐ Tăng công suất chế biến thông qua việc đẩy mạnh hoạt động của nhà máy Minh Phú Hậu Giang, xây dựng mới nhà máy chế biến tôm ở Cà Mau và nhà máy chế biến tôm và cá ở Hậu Giang.
- ☐ Tăng thị phần ở các thị trường truyền thống thông qua việc thâm nhập sâu hơn và đa dạng hóa sản phẩm.
- ☐ Thành lập trại sản xuất giống chất lượng cao và sạch bệnh.
- ☐ Thành lập hệ thống phân phối ở thị trường quốc tế cùng với các cửa hàng thực phẩm sạch, chuỗi nhà hàng thủy sản, chuỗi các nhà hàng thức ăn nhanh thủy sản ở thị trường nội địa cũng như trên quốc tế

Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Môi trường và cộng đồng

“TẤT CẢ CÁC NHÀ MÁY CỦA MINH PHÚ ĐỀU CÓ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHUẨN”

- ❑ Các nhà máy của MINH PHÚ được thiết kế hiện đại, đạt tiêu chuẩn HACCP, ISO tạo môi trường làm việc sạch sẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh an toàn lao động.
- ❑ Bên cạnh đó, công ty đầu tư những máy móc thiết bị tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu và điện năng, góp phần giảm thải các khí gây hiệu ứng nhà kính như carbon dioxide, methane, ...
- ❑ Là một công ty chuyên sản xuất chế biến tôm, MINH PHÚ không chỉ chú trọng về an toàn vệ sinh thực phẩm mà còn đặt yếu tố thân thiện với môi trường lên hàng đầu. Tất cả các nhà máy, vùng nuôi tôm của MINH PHÚ đều thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về đánh giá tác động môi trường ngay từ những ngày đầu xây dựng.
- ❑ Không chỉ đầu tư hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy định, các nhà máy MINH PHÚ còn có hệ thống thu gom triệt để các chất thải từ quá trình chế biến (như đầu vỏ tôm) để làm nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất chitin chitosan.

“MINH PHÚ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CÓ TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI”

Sử dụng tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả

Các nhà máy của công ty đều được trang bị các dây chuyền công nghệ hiện đại được nhập trực tiếp từ các nước như: Nhật, Đức, Thụy Điển, Đan Mạch... với tiêu chí tạo ra sản phẩm chất lượng cao, tiêu thụ điện năng thấp. Bên cạnh đó, MINH PHÚ đã thay thế toàn bộ qui trình sản xuất theo phương pháp thủ công trước đây (các bàn chế biến thông thường) bằng qui trình sản xuất bán tự động dạng băng tải, với qui trình sản xuất này ngoài việc nâng cao năng suất làm việc, điều kiện làm việc được cải thiện tốt hơn rất nhiều so với trước đây (không gian làm việc thông thoáng, giảm độ ẩm không khí, công nhân không phải đi lại nhiều v.v...) Với qui trình sản xuất này việc thu gom phế phẩm thủy ra từ nguyên liệu và thành phẩm trong từng dây chuyền hoàn toàn tự động và độc lập tránh gây nhiễm chéo giữa nguyên liệu với bán thành phẩm cũng như phế liệu thủy ra.

Dây chuyền sản xuất dạng băng tải mà Minh Phú đang áp dụng rất dễ sử dụng, dễ vệ sinh nên việc kiểm soát vi sinh hoàn toàn có thể. Ngoài ra chúng tôi có thể tiết giảm được lượng nước tiêu hao cho sản xuất so với việc sử dụng từng bàn chế biến riêng lẻ như trước đây khoảng từ 60 đến 70% tùy theo từng điều kiện.

Với qui trình sản xuất liên hoàn dạng băng tải chúng tôi hoàn toàn chủ động trong việc sử dụng, điều tiết, phân phối nguồn nước đặc biệt có thể làm cho nền nhà xưởng luôn giữ được khô ráo, tiết giảm được điện sử dụng cho máy lạnh, góp phần đảm bảo sức khỏe công nhân viên, hạn chế sự phát triển của vi sinh vật

Bằng việc áp dụng công nghệ cấp đông tiên tiến nhất ở các nước Châu Âu nói chung ngoài việc nâng cao hiệu quả, giảm điện năng tiêu thụ bình quân còn góp phần không nhỏ cho việc nâng cao chất lượng thành phẩm, chất lượng và hình thức sản phẩm hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu khách hàng ở các nước chúng tôi cung cấp

Giảm thiểu ô nhiễm môi trường

Tất cả các nhà máy, vùng nuôi của MINH PHÚ đều thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về đánh giá tác động môi trường ngay từ những ngày đầu xây dựng.

Hiện nay 02 nhà máy chế biến Thủy sản của Minh Phú ở Cà Mau và Hậu Giang đang sử dụng đèn chiếu sáng trong nhà máy bằng đèn LED thay cho đèn Neon trước đây. Với việc đầu tư công nghệ LED chúng tôi tiết kiệm được lượng điện tiêu thụ khoảng 65% so với việc sử dụng đèn Neon cùng công suất chiếu sáng, ngoài ra đèn LED còn góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường

Về hệ thống xử lý nước thải: hiện tại nhà máy tại Hậu Giang đã được đầu tư Hệ thống xử lý nước thải với công suất 5000m³/ngày đêm theo công nghệ UASB và MBBR thu hồi Biogas để tái sử dụng cho nồi hơi đảm bảo nước thải đầu ra đạt loại A theo QCVN 11:2008. Công nghệ này giúp hạn chế tối đa mùi hôi phát sinh trong quy trình xử lý, việc thu hồi khí biogas để tái sử dụng góp phần tiết kiệm nhiên liệu, giảm thiểu phát sinh các khí thải gây hiệu ứng nhà kính như CH₄, CO₂....Ngoài ra hệ thống còn được đầu tư thêm hệ thống xử lý bậc cao (bồn lọc áp lực) giúp tái sử dụng 1 phần nước thải vào việc vệ sinh nhà xưởng, tưới cây...Đối với Hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy Cà Mau của Công ty đã được đầu tư từ năm 2008 với công suất 2000m³/ngày đêm đảm bảo nước thải đầu ra đạt loại B theo QCVN 11:2008 theo quy định, hiện Minh Phú đang tiến hành khảo sát đầu tư mở rộng, nâng công suất lên 5000m³/ngày đêm theo QCVN 11:2008 cột A theo công nghệ tương tự nhà máy ở Hậu Giang. Việc đầu tư Hệ thống xử lý nước thải đồng bộ như trên tại 2 nhà máy là tiền đề để Minh Phú xây dựng theo cơ chế phát triển sạch (CDM), thân thiện với môi trường và phát triển bền vững.

Hệ thống xử lý nước thải của các nhà máy đều được Sở Tài nguyên Môi trường địa phương cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường, một phần nước thải sau xử lý được tái sử dụng.

Các nhà máy của MINH PHÚ được thiết kế hiện đại, đạt tiêu chuẩn ISO, HACCP, tạo môi trường làm việc sạch sẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động đối với người lao động, mọi nguồn phát sinh tiếng ồn đều được cách ly hoàn toàn.

Với vùng nuôi của mình, MINH PHÚ nuôi tôm bằng công nghệ sinh học, hạn chế tối đa việc sử dụng hóa chất, thực hiện nuôi tôm bền vững, thân thiện với môi trường. Tại vùng nuôi của MINH PHÚ, khoảng 40% diện tích được dùng làm hệ thống cấp, xử lý nước thải từ ao nuôi tôm. Việc áp dụng công nghệ nuôi tiên tiến giúp cho việc thay nước, xử lý nước được giảm thiểu. Nước thải từ ao nuôi tôm được xử lý và tận dụng tuần hoàn trở lại. Môi trường ao nuôi thực sự là môi trường xanh sạch, bền vững.

Sử dụng các loại bao bì thân thiện với môi trường

Minh Phú sử dụng bao bì trọng lượng nhẹ, có thể tái chế hoặc có thể tự hủy để bảo vệ môi trường

Phát triển bền vững và có trách nhiệm với xã hội

Đối với người tiêu dùng

Với 20 năm kinh nghiệm phát triển, MINH PHÚ luôn cung cấp các sản phẩm tôm với số lượng và chất lượng tốt nhất, thỏa mãn mọi quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm khắt khe nhất trên thế giới.

MINH PHÚ không ngừng cải tiến, đổi mới công nghệ để các sản phẩm của mình luôn đáp ứng và thỏa mãn mọi nhu cầu cao nhất về chất lượng và giá cả của khách hàng.

Đối với cán bộ công nhân viên

Ổn định và nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên là chính sách được ưu tiên hàng đầu của MINH PHÚ. Các hoạt động cụ thể của MINH PHÚ như:

- ☐ Xây dựng nhà tập thể cho cán bộ công nhân viên.
- ☐ Hỗ trợ cán bộ nhân viên trong việc mua nhà trả góp
- ☐ Có xe buýt đưa rước công nhân
- ☐ Hỗ trợ tiền ăn trưa (ăn ca) với toàn thể cán bộ công nhân viên
- ☐ Phần thưởng khuyến khích học tập cho con em cán bộ công nhân viên đạt loại khá giỏi.

Tại MINH PHÚ, tất cả các cán bộ công nhân viên đều được tôn trọng bình đẳng, tạo điều kiện phát huy năng lực, thăng tiến trong sự nghiệp.

Với MINH PHÚ là phát triển bền vững, vì thế việc mở rộng phát triển của MINH PHÚ không phải vì danh hiệu này danh hiệu kia, không phải vì khẳng định vị trí thứ nhất, thứ 2 ... mà là vì sự ổn định và chất lượng đời sống người lao động. Hiện nay, lao động tại MINH PHÚ là trên 14.000 người và sẽ tăng lên trên 15.000 người. Phát triển công ty để người lao động có thu nhập cao, ổn định, có được sự thăng tiến trong nghề nghiệp, có cuộc sống đảm bảo. Và có như thế việc phát triển của MINH PHÚ mới có ý nghĩa.

Đối với cộng đồng

MINH PHÚ chia sẻ trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động từ thiện như:

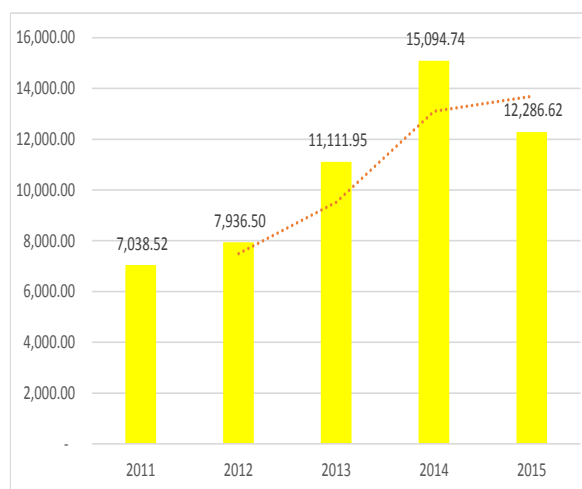
- ☐ Xây dựng trường học
- ☐ Xây nhà tình nghĩa (02 căn mỗi năm)
- ☐ Đóng góp vào quỹ đền ơn đáp nghĩa; quỹ phúc lợi địa phương hàng năm
- ☐ Đóng góp xây dựng cho chương trình giao thông nông thôn.
Trong năm 2011, Công ty đã xây dựng 05 cây cầu cho bà con vùng sâu vùng xa trị giá 1,5 tỷ đồng)
- ☐ Tài trợ mổ mắt miễn phí cho người nghèo
- ☐ Tài trợ mổ tim

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

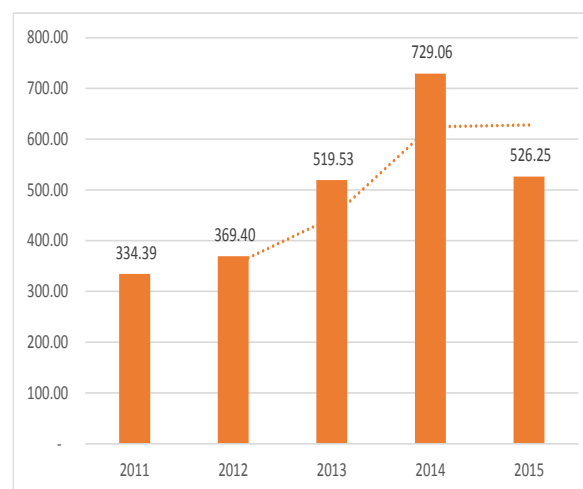
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012	2013	2014	2015
Sản lượng sản xuất	Tấn	30,491.79	32,487.86	37,892.05	54,525.25	47,750.94
Sản lượng xuất khẩu	Tấn	27,178.20	32,049.53	38,799.77	47,570.94	44,165.02
Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	334.39	369.40	519.53	729.06	526.25
Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	7,038.52	7,936.50	11,111.95	15,094.74	12,286.62
Tổng lợi nhuận ròng	Tỷ đồng	283.70	15.88	293.83	921.05	(6.95)

Biểu đồ 1: Doanh thu thuần (Tỷ đồng)



Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu (Triệu USD)



Nhìn vào biểu đồ ta thấy doanh thu và kim ngạch xuất khẩu của Minh Phú năm nay thấp hơn năm trước, do năm 2015 vẫn là một năm khó khăn cho ngành thủy sản Việt nam, cụ thể là giá tôm thành phẩm và tôm nguyên liệu xuống thấp nhất trong 05 năm gần đây, nguyên nhân là do giá dầu thế giới giảm, và đồng tiền các nước Ấn độ, Indonesia thay phiên nhau phá giá nên giá bán tôm từ những nước này rất rẻ, bình quân giá giảm 20%-30% so với năm 2014. Trong khi đó, giá tôm trong nước lại cao do chi phí nuôi tôm cao, chất lượng tôm từ Việt Nam sụt giảm dẫn đến tôm Việt Nam xuất khẩu không đủ sức cạnh tranh về giá và chất lượng, và hệ quả là không đạt được kế hoạch kinh doanh đã đề ra

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2015	So sánh với kế hoạch
1- Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	526.25	808.23	65.11%
2- Sản lượng sản xuất	Tấn	47,750.94	50,000.00	95.50%
3- Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	12,286.62	21,270.41	57.76%
4- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12.14	926.67	1.31%
5- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(6.95)	756.72	-0.92%

Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh

Qua bảng so sánh trên cho thấy sản lượng sản xuất năm 2015 chỉ đạt 95.5% so với kế hoạch, kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 65.11%, doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 57.76% và 1.31% so với kế hoạch

Việc kinh doanh vượt kế hoạch đề ra cho năm 2014 là do các yếu tố sau đây:

- Do giá đầu thế giới giảm
- Do các nước Ấn Độ, Indonesia phá giá đồng tiền, giá sản phẩm tôm từ các nước này trong 2015 chỉ bằng 50% so với các năm trước
- Do chi phí nuôi tôm trong nước cao, giá tôm VN cao hơn các nước khác 20%
- Do chất lượng tôm của VN không duy trì ổn định và thậm chí thấp hơn so với các năm trước
- Do trước tình hình giá tôm ngày càng giảm, một số khách hàng đã ký hợp đồng trì hoãn nhận hàng hoặc hủy hợp đồng

Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban Giám Đốc

Ban tổng giám đốc : Gồm 6 thành viên

- 1- Ông Lê Văn Quang
- 2- Bà Chu Thị Bình
- 3- Ông Chu Văn An
- 4- Ông Thái Hoàng Hùng
- 5- Ông Nguyễn Tấn Anh
- 6- Ông Lê Văn Điệp
- 7- Ông Lê Ngọc Anh
- 8- Ông Bùi Anh Dũng
- 9- Bà Lê Thị Dị Minh

- Tổng giám đốc
- Phó tổng giám đốc
- Phó tổng giám đốc
- Phó tổng giám đốc
- Phó tổng giám đốc
- Phó tổng giám đốc
- Phó tổng giám đốc
- Phó tổng giám đốc
- Phó tổng giám đốc

Ban Giám Đốc

Họ và Tên	Chức vụ	Thông tin chi tiết
Ông Lê Văn Quang 57 Tuổi 	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc	- Năm sinh: 28/10/1958 - Nơi sinh: Bệnh viện Quảng Yên - Quảng Ninh - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Trình độ văn hoá: 10/10 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ chế biến thủy sản - Quá trình công tác: + 1981 - 1983: Cán bộ kỹ thuật sở thủy sản Minh Hải. + 1983 - 1986: Phó phòng thu mua Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải + 1986 - 1988: Quản đốc phân xưởng Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Minh Hải + 1992 - 2003: Chủ doanh nghiệp tư nhân Minh Phú. + 2003 – 2006: Tổng giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Phú. - Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú; Chủ tịch HĐQT thành viên Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát, Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang, Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú. - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
Bà Chu Thị Bình 51 Tuổi 	Phó Chủ Tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	- Năm sinh: 1964 - Nơi sinh: Thái Bình - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Trình độ văn hóa: 10/10 - Trình độ chuyên môn: Trung cấp - Quá trình công tác: + 1981 – 1995: Nhân viên thu mua, Kế toán Công ty Chế biến Thủy sản Cà Mau + 1996 – 1997: Phó giám đốc Xí nghiệp Hợp tác + 1998 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú, Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý. - Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú; Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý. - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có - Hành vi vi phạm pháp luật: không

Ban Giám Đốc

Họ và Tên	Chức vụ	Thông tin chi tiết
Ông Chu Văn An 62 Tuổi 	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	- Năm sinh: 02/05/1953 - Nơi sinh: Thái Bình - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Quê quán: Thái Bình, Việt Nam - Trình độ văn hoá: 10/10 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật. - Quá trình công tác: + 1997 - 1999: Trưởng ban quản lý Công trình. + 1999 - 2001: Trưởng phòng tổ chức, hành chính xí nghiệp Minh Phú. + 2002 - nay: Phó tổng Giám đốc phụ trách Nhân sự - Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Hành chính Nhân sự Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú; Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát, Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang. - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
Ông Thái Hoàng Hùng 51 Tuổi 	Phó Tổng Giám Đốc	- Năm sinh: 1964 - Nơi sinh: Bạc Liêu - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Trình độ văn hoá: 10/10 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản - Quá trình công tác: + 1982 - 1987: Học Đại học Thủy sản ở Nha Trang. + 1987 - 1991: Phó Giám Đốc Xí nghiệp đông lạnh Bạc Liêu. + 1992 - 1995: Trưởng phòng Máy công ty XNK Thủy sản Gia Rai Bạc Liêu + 1995 – 1998: Trưởng phòng Máy Công ty Liên doanh NIGICO + 1998 –2003 : Trưởng phòng kỹ thuật công ty XNK thủy sản Minh Phú-TNHH + 2003 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP tập đoàn Thủy sản Minh Phú - Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật Công ty Minh Phú - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có - Hành vi vi phạm pháp luật: không có

Ban Giám Đốc

Họ và Tên	Chức vụ	Thông tin chi tiết
Ông Nguyễn Tấn Anh 41 Tuổi 	Phó Tổng Giám Đốc	- Năm sinh: 09-06-1974 - Nơi sinh: Bình Thuận - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Trình độ văn hoá: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản, Thạc sĩ QTKD - Quá trình công tác: + 1997-1999: KCS Công ty chế biến Thủy sản Minh Phú + 2000-2003: Trưởng phòng kinh doanh Minh Phú + 2003-2006: Giám đốc kinh doanh Minh Phú + 2006-nay: Phó Tổng Giám đốc Minh Phú - Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú. - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
Ông Lê Văn Điệp 42 Tuổi 	Phó Tổng Giám Đốc	- Năm sinh: 26-12-1972 - Nơi sinh: Hải Phòng - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Trình độ văn hoá: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Quá trình công tác: + 1999-2002 : Phó phòng nghiệp vụ, Xí nghiệp CBTS thủy sản Minh Phú + 2003- 2006 : Phó giám đốc tài chính Công ty XNK thủy sản Minh Phú + 2006- 2007 : Thành viên hội đồng quản trị, P.Giám đốc tài chính Công ty CP thủy hải sản Minh Phú. + 07/05/2007-31/12/2007 : Giám đốc tài chính Công ty CP thủy hải sản Minh Phú. + 2008- Nay : Phó Tổng Giám đốc kiêm giám đốc tài chính Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú - Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú. - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Thành viên HĐQT Cty CP thủy sản Minh Phú- Hậu Giang, Phó giám đốc Công ty TNHH CBTS Minh Quý và Công ty TNHH CBTS Minh Phát. - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có - Hành vi vi phạm pháp luật: không có

Ban Giám Đốc		
Họ và Tên	Chức vụ	Thông tin chi tiết
Ông Bùi Anh Dũng 40 Tuổi 	Phó Tổng Giám Đốc	- Năm sinh: 01-01-1975 - Nơi sinh: Nghệ An - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Trình độ văn hoá: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản - Quá trình công tác: + 1998-2000: KCS Công ty chế biến Thủy sản Minh Phú; + 2000-2002: Nhân viên XNK Công ty XNK Thủy sản Minh Phú; + 2003 – 2006: Phó Giám đốc Kế Hoạch - Thị Trường Công ty CP Thủy hải sản Minh Phú. + 2007 – 2011: Giám đốc Kế Hoạch - Thị Trường Công ty CP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú. - Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc nhà máy Minh Phú Hậu Giang kiêm Giám đốc Kế Hoạch - Thị Trường Công ty CP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú.- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
Ông Lê Ngọc Anh 42 Tuổi 	Phó Tổng Giám Đốc	- Năm sinh: 20-04-1973 - Nơi sinh: Thừa Thiên Huế - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Trình độ văn hoá: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản - Quá trình công tác: + 1997-1999: KCS Công ty chế biến Thủy sản Minh Phú; + 2000-2003: Trưởng KCS Công ty XNK Thủy sản Minh Phú; + 2003- Nay: Giám đốc Chất lượng Công ty CP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú - Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc phụ trách chất lượng Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú. - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có - Hành vi vi phạm pháp luật: không có

Ban Giám Đốc		
Họ và Tên	Chức vụ	Thông tin chi tiết
Bà Lê Thị Diệu Minh 	Thành viên HĐQT	- Năm sinh: 14/06/1986 - Nơi sinh: Cà Mau - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Quê quán: Hải Phòng - Việt Nam - Trình độ văn hoá: Đại học - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Quá trình công tác: + 05/2006- 05/2007: Thành viên HĐQT Cty CP Thủy hải sản Minh Phú; + 6/2007-3/2015: Trợ lý Tổng giám đốc Tập đoàn Thủy sản Minh Phú ; + 3/2015-nay: Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Thủy sản Minh Phú ; - Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Minh Phú - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không - Hành vi vi phạm pháp luật: không có

Cơ cấu nhân sự

Năm	Trên đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Công nhân lành nghề	Tổng cộng	Lương trung bình/tháng (triệu VND)	Mức tăng lương bình quân
2011	7	435	252	630	10,744	12,068	3.59	28%
2012	5	425	100	477	8,919	9,926	3.26	-9%
2013	6	401	100	463	8,636	9,606	3.56	9%
2014	11	567	385	753	13,085	14,801	5.19	46%
2015	11	652	252	601	11,328	12,844	5.23	1%

Chính sách đối với người lao động

- Đảm bảo đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo qui định của pháp luật
- Tiền lương của tất cả cán bộ công nhân viên tính theo sản phẩm.
- Tiền thưởng hàng tháng bình bầu xếp loại A, B, C cho từng cán bộ công nhân viên theo tiêu chuẩn công việc hoàn thành xuất sắc và ngày công đầy đủ để xếp hạng thưởng.

Tình hình đầu tư

Các khoản đầu tư lớn

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư góp vốn vào:				
Công ty liên kết				
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,0%	49,0%	3.900.000.000
▪ Công ty TNHH Mekong Logistic (*)	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	41,0%	49,0%	98.000.000.000
▪ Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam (**)	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	23,6%	35,0%	5.371.100.000
				107.271.100.000
Đơn vị khác				
▪ Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,0%	10,0%	7.000.000.000
				114.271.100.000

Tình hình tài chính Tập đoàn

Tình hình tài chính chung – Báo cáo hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	9,285,488,960,078	9,225,147,933,274	99.35%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	15,094,740,952,959	12,286,624,409,955	81.40%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	1,052,709,629,156	7,740,149,912	0.74%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	(5,171,585,019)	4,396,067,481	85.00%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,047,538,044,137	12,136,217,393	1.16%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	921,048,335,474	(6,945,887,365)	-0.75%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	59.33%	N/A	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Báo cáo hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	2.47	1.17
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1.00	0.49
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.76	0.75
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3.11	3.08
3. Năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2.56	3.78
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1.33	1.63
4. Khả năng sinh lời			
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-0.06%	6.10%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-0.31%	40.48%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-0.08%	9.92%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0.06%	6.97%

Cơ cấu cổ phần, cổ đông

Những thay đổi về vốn cổ đông

Tại ngày 13/11/2015 chốt danh sách là : 921 cổ đông.

Tổng số cổ phiếu của công ty

- + Cổ phiếu phổ thông: 70.000.000 CP
- + Cổ phiếu ưu đãi : Không

Tổng số trái phiếu đang lưu hành: 4,000 TP mệnh giá 1 tỷ đồng/ 1 TP

Cổ phiếu quỹ, cổ phiếu dự trữ: 1.537.150

Cổ tức: Chưa có quyết định chia từ Đại hội cổ đông

Cơ cấu cổ đông

Các dữ liệu thống kê về cổ đông : Tại ngày 13/11/2015

❖ *Cổ đông trong nước*

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước: 61.543.390 cổ phiếu chiếm 87,92%
Trong đó :
 - + Cổ đông tổ chức : 9.258.758 cổ phiếu chiếm 13,23%
 - + Cổ đông cá nhân : 52.191.786 cổ phiếu chiếm 74,69 %
- Thông tin về các cổ đông lớn :
 - + Có 02 cổ đông là tổ chức nắm giữ 5% cổ phiếu trở lên :
 1. Vietnam Investment Fund 7,39% Cổ phần
 2. Long Phung Invest 5,84% Cổ phần
 - + Có 6 cổ đông là cá nhân nắm giữ 5 % cổ phiếu trở lên là :
 1. Ông Lê Văn Quang 22,80% Cổ phần
 2. Bà Chu Thị Bình 24,96% Cổ phần
 3. Bà Phạm Ngọc Hồng Thu 5,68% Cổ phần
 4. Ông Nguyễn Hồng Phúc 5,00% Cổ phần

❖ *Cổ đông nước ngoài*

- Tổng số cổ phần của tổ chức và cá nhân nước ngoài nắm giữ : 6.918.920 CP chiếm 9,88%
 - + Cổ đông cá nhân : 84.060 Cổ phần chiếm 0,12%
 - + Cổ đông tổ chức : 6.834.860 Cổ phần chiếm 9,76%
- Thông tin về cổ đông nước ngoài lớn chiếm 5% cổ phần trở lên : có 01 cổ đông
 1. Red River Holding : 6.628.290CP chiếm 9,47% Cổ phần

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2015 không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng quan kết quả kinh doanh năm 2015 – Báo cáo hợp nhất

Năm 2015 vẫn là một năm khó khăn cho ngành thủy sản thế giới và Việt nam, cụ thể là giá tôm thành phẩm và tôm nguyên liệu xuống thấp nhất trong 05 năm gần đây, nguyên nhân là do giá dầu thế giới giảm, đồng tiền các nước Ấn độ, Indonesia thay phiên nhau phá giá nên giá bán tôm từ những nước này rất rẻ, bình quân giá giảm 20%-30% so với năm 2014. Trong khi đó, giá tôm trong nước lại cao do chi phí nuôi tôm cao, chất lượng tôm từ Việt Nam sụt giảm dẫn đến tôm Việt Nam xuất khẩu không đủ sức cạnh tranh về giá và chất lượng, và hệ quả là không đạt được kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

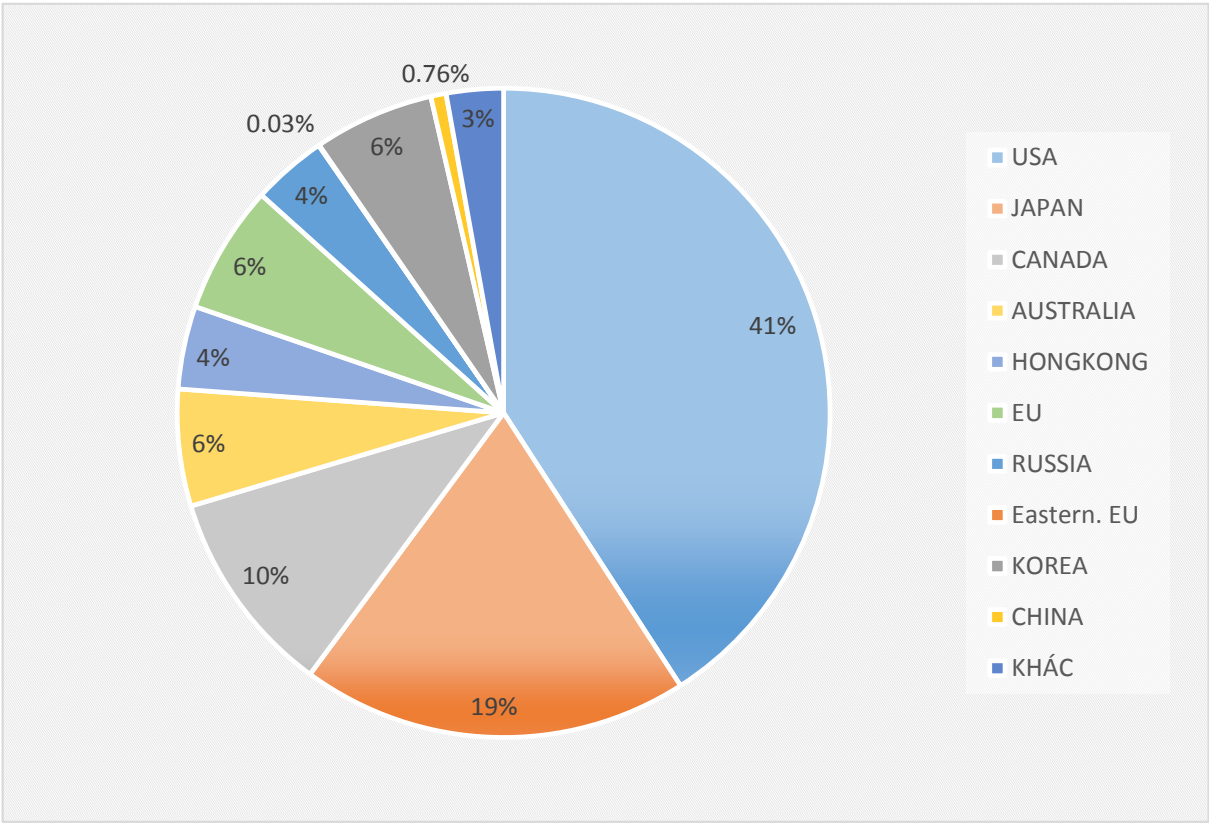
Sản lượng sản xuất năm 2015 chỉ đạt 95.5% so với kế hoạch, kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 65.11%, doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 57.76% và 1.31% so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2015	Tăng trưởng so với năm 2014	Tăng so sánh với kế hoạch
1- Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	729.06	526.25	808.23	-27.82%	-34.89%
2- Sản lượng sản xuất	Tấn	54,525.25	47,750.94	50,000.00	-12.42%	-4.50%
3- Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	15,094.74	12,286.62	21,270.41	-18.60%	-42.24%
4- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1047.54	12.14	926.67	-98.84%	-98.69%
5- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	921.05	(6.95)	756.72	N/A	N/A
6- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	Tỷ đồng	755.08	32.44	N/A	N/A	N/A
7- Lãi cơ bản trên / CP		10,930	474	N/A	N/A	N/A

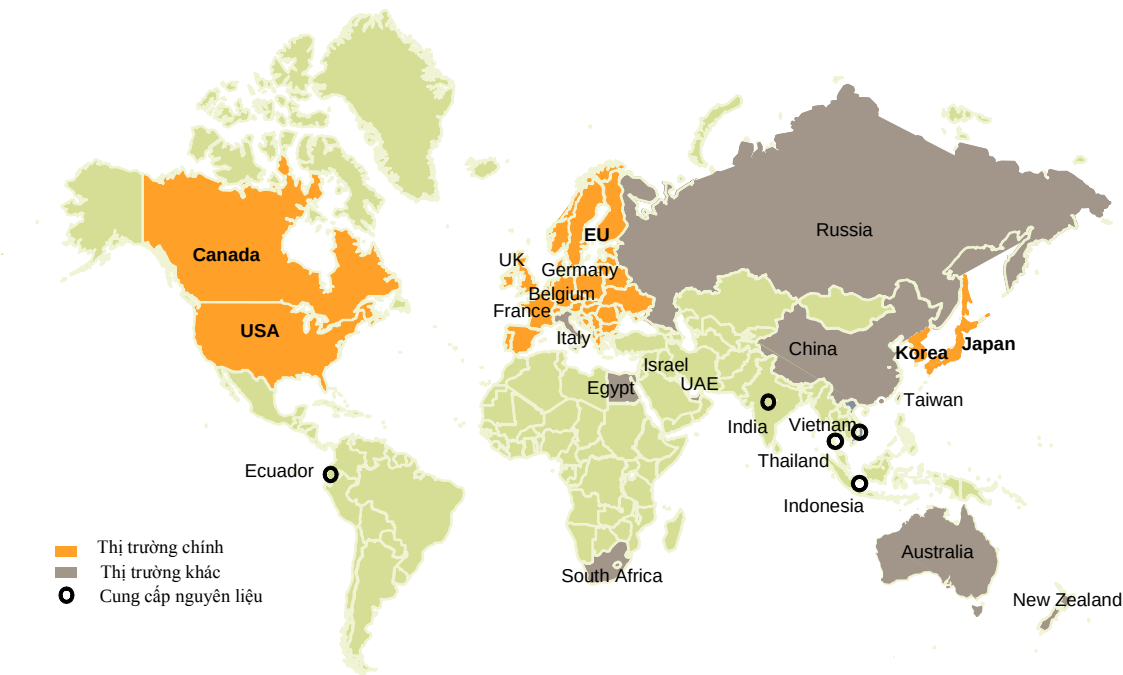
Kim ngạch xuất khẩu được phân chia theo quốc gia

Thị trường	Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị (triệu USD)	Tỷ lệ	Giá trị (triệu USD)	Tỷ lệ
USA	284.01	38.96%	214.41	40.89%
JAPAN	155.35	21.31%	100.80	19.22%
CANADA	83.88	11.51%	53.79	10.26%
AUSTRALIA	36.96	5.07%	30.48	5.81%
HONGKONG	21.45	2.94%	21.68	4.13%
EU	65.94	9.04%	33.53	6.39%
RUSSIA	10.63	1.46%	19.44	3.71%
Eastern.EU	0.54	0.07%	0.18	0.03%
KOREA	55.32	7.59%	31.32	5.97%
CHINA	2.68	0.37%	3.97	0.76%
Khác	12.3	1.69%	14.82	2.83%
Tổng cộng	729.06	100.00 %	524.41	100.00 %

Biểu đồ tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu theo quốc gia



Mạng lưới khách hàng



Những tiến bộ công ty đạt được

- ☐ Hệ thống quản lý chất lượng được công ty áp dụng quản lý theo tiêu chuẩn sau : HACCP, GMP, SSOP, ISO 9001:2000, ISO 22000:2005, BRC, BAP, ACC, Global Gap... và công ty có Eu code DL145 được phép xuất hàng vào thị trường EU, tiêu chuẩn cho phòng kiểm nghiệm ISO 17025
- ☐ Code EU cho nhà máy DL 145, DL 321
- ☐ Đạt giải thưởng hiệu mạnh Việt Nam năm 2006,2007,2008,2009 và Tốp 10 giải vàng chất lượng thủy sản Việt Nam.
- ☐ Đạt doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc nhiều năm liền 2003,2004, 2005,2006,2007,2008.2009 và năm 2010.
- ☐ Đạt giải thưởng quả cầu vàng năm 2007
- ☐ Kim ngạch xuất khẩu thủy sản cao nhất nước.
- ☐ Đạt được chứng chỉ ACC 3 sao “Sản phẩm được phép bán trong các siêu thị tại thị trường Hoa Kỳ” : Sao trại tôm giống, Sao đầm nuôi tôm và Sao nhà máy chế biến do tổ chức: The Accretation Committee of Aquaculture Certification Council, Inc., cấp.
- ☐ Đạt được chứng chỉ Global Gap “Sản phẩm được phép bán trong các siêu thị tại thị trường EU”
- ☐ Đạt được chứng chỉ ASC, MSC trong năm 2014
- ☐ Công ty luôn đặt mục tiêu quản lý chất lượng lên hàng đầu trong toàn bộ cán bộ công nhân viên công ty. Với khẩu hiệu “ Minh Phú luôn luôn lắng nghe, thấu hiểu và thỏa mãn mọi yêu cầu của khách hàng”
- ☐ Năm 2014 được diễn đàn Kinh tế Thế giới ghi nhận là Công ty tăng trưởng nhanh

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản, nợ

Tài Sản	Tại 01/01/2015	Tại 31/12/2015
A- Tài sản ngắn hạn	7,592,303,033,585	7,264,438,888,490
B- Tài sản dài hạn	1,693,185,926,493	1,960,709,044,784
Tổng tài sản	9,285,488,960,078	9,225,147,933,274
Nguồn vốn		
A- Nợ phải trả	7,010,269,474,196	6,981,587,955,942
B- Nguồn vốn chủ sở hữu	1,787,021,481,661	1,762,062,205,003
C- Lợi ích của cổ đông thiểu số	488,198,004,221	481,497,772,329
Tổng nguồn vốn	9,285,488,960,078	9,225,147,933,274

Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

- ☐ Tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng.
- ☐ Mở rộng thị trường sang Nga và Trung Quốc, đặc biệt Trung Quốc dự kiến sẽ trở thành một trong những thị trường trọng điểm trong thời gian tới.
- ☐ Đầu tư trung tâm nghiên cứu gia hóa và tuyển chọn tôm sú, thẻ chân trắng (Vanamei) bố mẹ sạch bệnh, có khả năng tăng trưởng nhanh, tỷ lệ sống cao làm giảm giá thành tôm nuôi, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường trong cũng như ngoài nước, tiến tới chủ động được hoàn toàn nguồn tôm bố mẹ có chất lượng cao
- ☐ Đẩy mạnh sản xuất chế phẩm sinh học để phục vụ cho các công ty thành viên nuôi trồng thủy sản và bán cho các hộ nuôi trồng thủy sản.

- ❑ Xây dựng các chuỗi giá trị tôm có trách nhiệm và các chiến lược phù hợp để tiếp cận và thu hút sự tham gia của nhiều thành phần trong chuỗi sản xuất tôm: từ tôm bố mẹ, tôm giống, thức ăn tôm, chế biến xuất khẩu, nhập khẩu và logistics, phân phối và bán lẻ.
- ❑ Hỗ trợ thực hiện đa chứng nhận (BAP, ASC, Global GAP, Naturland, BIO Suisse, EU BIO...) cho các chuỗi giá trị này để mang lại lợi thế cạnh tranh cũng như cơ hội tiếp cận nhiều thị trường và nhiều đối tượng khách hàng hơn cho sản phẩm Minh Phú
- ❑ Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất những mặt hàng giá trị gia tăng như: Tôm Ring, tôm Nobashi, tôm Sushi, tôm tẩm bột, Tôm Tempura, tôm tẩm gia vị ... làm tăng khả năng cạnh tranh khi xuất vào thị trường Mỹ, Nhật Bản, EU và Hàn Quốc.
- ❑ Tăng công suất chế biến thông qua việc đẩy mạnh hoạt động của nhà máy Minh Phú Hậu Giang, xây dựng mới nhà máy chế biến tôm ở Cà Mau và nhà máy chế biến tôm và cá ở Hậu Giang.
- ❑ Tăng thị phần ở các thị trường truyền thống thông qua việc thâm nhập sâu hơn và đa dạng hóa sản phẩm.
- ❑ Thành lập trại sản xuất giống chất lượng cao và sạch bệnh.
- ❑ Thành lập chuỗi cung ứng: cung cấp con giống, cung cấp thức ăn, cung cấp thuốc và chế phẩm vi sinh, cung cấp quy trình nuôi chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật nuôi và thu mua lại sản phẩm với giá cao hơn thị trường từ 10-20%.
- ❑ Thành lập hệ thống phân phối ở thị trường Quốc tế cùng với các cửa hàng thực phẩm sạch, chuỗi nhà hàng thủy sản, chuỗi các nhà hàng thức ăn nhanh thủy sản ở thị trường nội địa cũng như trên quốc tế.

Kế hoạch phát triển kinh doanh

* Kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2016

▪ Kim ngạch xuất khẩu hợp nhất	: 686,7 triệu USD
▪ Sản lượng sản xuất hợp nhất	: 47.338 tấn tôm thành phẩm
▪ Sản lượng sản xuất hợp nhất	: 10.750 tấn cá thành phẩm
▪ Tổng doanh thu thuần hợp nhất	: 16.346 tỷ đồng
▪ Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	: 593.36 tỷ đồng
▪ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	: 546.46 tỷ đồng

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2015, mặc dù Tập đoàn triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn thách thức; cạnh tranh giữa các đơn vị trong cùng lĩnh vực ngày càng gay gắt; thị trường các khách hàng lớn ngày càng nâng cao tiêu chuẩn sản phẩm, nguyên, nhiên liệu đầu vào cho sản xuất đều tăng, tình hình cạnh tranh giá ngày càng gay gắt, giá bán các nước trên thế giới rẻ hơn giá bán từ Việt Nam, và điều này đã ảnh hưởng rất nhiều đến kế hoạch sản xuất và lợi nhuận của Minh Phú

Kết thúc năm 2014, Công ty hoàn thành 65.11% kim ngạch xuất khẩu so với kế hoạch, sản lượng sản xuất đạt 95.5%, doanh thu thuần đạt 57.76% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 1.31% so với kế hoạch

Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của Ban Giám Đốc

Đánh giá chung về hoạt động của Ban Giám Đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn :

- ☐ Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.
- ☐ Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần/tháng tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
- ☐ Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật;
- ☐ Ban Điều hành và tập thể CBCNV trong Công ty đã cố gắng làm tốt nhiệm vụ SXKD năm 2015; Ban Điều hành cũng thường xuyên đưa ra được những đề xuất, kiến nghị kịp thời, giải pháp phù hợp để tham mưu cho Hội đồng quản trị nhằm tăng cường hiệu quả và chất lượng công việc, tiết kiệm tối đa các khoản chi phí.
- ☐ Hội đồng quản trị đánh giá cao về năng lực hoạt động của Ban Điều hành Công ty. Ban Điều hành là một tập thể đoàn kết, năng động, nghiêm túc trong công việc, chủ động, sáng tạo trong quản lý điều hành, luôn bám sát thực tế, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, do đó, đã điều hành Công ty vượt qua nhiều khó khăn, thách thức để hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.
- ☐ Năm 2015 vừa qua, Ban Giám Đốc Tập đoàn đã đề xuất và thực hiện được nhiều biện pháp, áp dụng hệ thống quản lý ERP SAP trong quản lý thu mua, sản xuất, vận hành kho, bán hàng, kế toán tài chính, báo cáo quản trị để làm tăng doanh thu, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, làm tăng tính minh bạch và độ tin cậy của báo cáo tài chính.

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- ☐ Tiếp tục chỉ đạo để duy trì Minh Phú tiếp tục phần đầu vẫn là công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu của Việt Nam và của thế giới
- ☐ Chỉ đạo giữ vững thị trường xuất khẩu hiện có, không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu mới và đặc biệt xây dựng thương hiệu Minh Phú thành thương hiệu mạnh.
- ☐ Chỉ đạo xây dựng “**Chuỗi giá trị tôm, cá có trách nhiệm Minh Phú**” từ nay đến 2025
- ☐ Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.
- ☐ Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành các Nhà máy sản xuất an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm và hiệu quả.
- ☐ Chỉ đạo công tác kinh doanh sản phẩm xuất khẩu và nội địa đảm bảo hiệu quả, đặc biệt ngoài các chỉ tiêu kinh doanh sản phẩm Minh Phú cần chú trọng phát triển thương hiệu Minh Phú ra toàn cầu đến các đối tượng khách hàng trong và ngoài nước
- ☐ Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về: công tác cán bộ, giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất, quản lý điều hành kinh doanh phân bón, quản lý chi phí, quản trị vật tư hàng tồn kho, tổ chức nhân sự và đào tạo, tài chính kế toán và kiểm tra giám sát, thực hành tiết kiệm chống lãng phí...
- ☐ Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hoá sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội Đồng Quản Trị

Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị : Gồm 5 Thành viên

- 1- Ông Lê Văn Quang
- 2- Bà Chu Thị Bình
- 3- Ông Chu Văn An
- 4- Ông Lê Văn Điệp
- 5- Ông Jean-Eric Jacquemin
- 6- Ông Lê Ngọc Anh
- 7- Bà Lê Thị Dịu Minh

- Chủ tịch hội đồng quản trị
Thành viên hội đồng quản trị
Thành viên hội đồng quản trị
Thành viên hội đồng quản trị
Thành viên hội đồng quản trị
Thành viên hội đồng quản trị
Thành viên hội đồng quản trị

Hội Đồng Quản Trị		
Họ và Tên	Vị Trí	Thông tin chi tiết
Ông Lê Văn Quang		(Xem phần Ban Giám Đốc)
Bà Chu Thị Bình		(Xem phần Ban Giám Đốc)
Ông Chu Văn An		(Xem phần Ban Giám Đốc)
Ông Lê Văn Điệp		(Xem phần Ban Giám Đốc)
Ông Lê Ngọc Anh		(Xem phần Ban Giám Đốc)
Ông Jean-Eric Jacquemin 54 Tuổi 	Thành viên HĐQT	- Năm sinh: 11/05/1961 - Nơi sinh: Port- Gentil - Quốc tịch: Pháp - Địa chỉ thường trú: 601I Xa lộ Hà Nội, An Phú, An Khánh, Quận 2, HCMC, Việt Nam - Điện thoại liên lạc: 08 39322318 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh Đại Học Western New England, Springfield, Massachusetts, USA (1983) - Quá trình công tác: + Trước năm 1996 : 4 năm kinh nghiệm trong việc tái cơ cấu các doanh nghiệp lỗ ở Mỹ, 8 năm làm việc với tập đoàn PPR và 2 năm ở Việt Nam. + 1996 – 2000: Làm việc cho quỹ đầu tư Lazard về các dự án liên quan đến lĩnh vực thực phẩm, sau đó chịu trách nhiệm thanh lý tài sản của quỹ này. + 2000-2002: Chuyên viên tư vấn trong Bộ Phận Tái Cấu Trúc Các Doanh Nghiệp Nhà Nước tại Ernst & Young, tư vấn cho SCERD, Bộ Nông Nghiệp, Bộ Công Thương và Bộ Xây Dựng trong việc cổ phần hóa hơn 30 doanh nghiệp nhà nước. + Từ năm 2006: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Temasia Capital Limited, một công ty đầu tư với tổng tài sản US\$30m + Từ năm 2007: Giám Đốc của quỹ đầu tư Red River Holding. + Từ năm 2008: Giám Đốc Điều Hành của công ty quản lý quỹ Jade River Management. - Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị Cty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú, Giám Đốc Điều Hành của công ty quản lý quỹ Jade River Management, Chủ Tịch và CEO của Red River Holding - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
Bà Lê Thị Dịu Minh		(Xem phần Ban Giám Đốc)

Hoạt động Hội đồng quản trị năm 2015

❖ Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch		4	100%	
2	Ông Chu Văn An	Thành viên, PTGD		4	100%	
3	Bà Chu Thị Bình	Thành viên, PTGD		4	100%	
4	Bà Đinh Ánh Tuyết	Thành viên	từ nhiệm từ 24/03/2015	2	100%	
5	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên		4	100%	
6	Ông Lê Văn Điệp	Thành viên, PTGD	Bắt đầu từ 18/04/2015	4	100%	
7	Ông Lê Ngọc Anh	Thành viên, PTGD	Bắt đầu từ 18/04/2015	4	100%	
8	Bà Lê Thị Dịu Minh	Thành viên, PTGD	24/03/2015	4	100%	

❖ Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc):

Giám sát, tư vấn và đưa ra các giải pháp, chiến lược để việc kinh doanh trong năm đạt hiệu quả, không đi chệch mục tiêu, kế hoạch kinh doanh của công ty.

❖ Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Thu thập thông tin, báo cáo, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho Hội đồng quản trị. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp khả thi, tư vấn pháp lý.

❖ Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2015):

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	Số 01/NQĐH.MP15	Ngày 18/04/2015	Đại hội thường niên năm 2015
02	Số 02/NQĐH.MP15	Ngày 10/12/2015	Thông qua bằng văn bản bổ sung ngành nghề vận chuyển và cho thuê đầu kéo container
03	Số: 50/QĐ2015	04/03/2015	Bổ nhiệm bà Lê Thị Dịu Minh làm Phó tổng giám đốc

04	Số 243/QĐ.MPC.15	24/03/2015	Thông qua chương trình hợp ĐHĐCĐ thường niên 2015
05	Số: 1404/QĐ2015	14/04/2015	Tăng vốn đầu tư để sở hữu 50% vào CTCP Cảng Minh Phú Hậu Giang
06	Số: 27015/QĐ2015	27/10/2015	Xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc bổ sung ngành nghề “vận chuyển và cho thuê đầu kéo Container”

Ban Kiểm Soát

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Ban kiểm soát : Gồm 3 thành viên

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Phan Văn Dũng	Trưởng BKS	Từ nhiệm từ ngày 18/04/2015	1	100%	
2	Bà Mai Thị Hoàng Minh	Thành viên BKS	Từ nhiệm từ ngày 18/04/2015	1	100%	
3	Ông Nguyễn Xuân Toán	Thành viên BKS	Từ nhiệm từ ngày 18/04/2015	1	100%	
4	Ông Nguyễn Thiện Tâm	Trưởng BKS	Bắt đầu từ ngày 18/04/2015	3	100%	
5	Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	Thành viên BKS	Bắt đầu từ 18/04/2015	3	100%	
6	Ông Trần Văn Khánh	Thành viên BKS	Bắt đầu từ 18/04/2015	3	100%	
7	Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	Bắt đầu từ 18/04/2015	3	100%	
8	Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên BKS	Bắt đầu từ 18/04/2015	3	100%	

Ban Kiểm Soát		
Họ và Tên	Chức vụ	Thông tin chi tiết
Ông Nguyễn Thiện Tâm 43 Tuổi 	Trưởng Ban	- Năm sinh: 16/01/1972 - Nơi sinh: Gia Định - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Quê quán: Khánh Hoà- Việt Nam - Trình độ văn hoá: Đại học - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Quá trình công tác: + 1998 - 2005: Trưởng phòng tài chính kế toán Công ty BAT Việt Nam + 2005 – 2008: Giám Đốc Tài Chính Công ty Scavi Việt Nam + 2008 – 01/2013: Giám Đốc Tài Chính Công ty CP SXTM DV Phở Hai Mươi Bốn - Chức vụ hiện tại : Giám đốc QTRR & KSNB - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
Ông Trần Văn Khánh 	Phó Ban	- Năm sinh: 21/06/1981 - Nơi sinh: Cà Mau - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Quê quán: Cà Mau - Việt Nam - Trình độ văn hoá: Đại học - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế. - Quá trình công tác: + 2007 - 2009: Kế toán trưởng Công ty CP Bao Bì Hải Cường + 2010 - 2011: Trưởng phòng tổ chức Công ty CP Thủy Sản Quốc Lập + 2012 – 02/2013: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty CP Du Lịch và Dịch Vụ Minh Hải - Chức vụ hiện tại: Phó ban kiểm soát Cty CP Tập đoàn Minh Phú - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc 	Thành viên	- Năm sinh: 17/09/1980 - Nơi sinh: Cà Mau - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Quê quán: Cà Mau - Việt Nam - Trình độ văn hoá: Cao Đẳng - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh Văn thương mại (hệ Cao Đẳng), Trung cấp kế toán - Quá trình công tác: + 2003-2006: Làm nhân viên tiếp tân Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Minh Phú + 2006-2013: Kế toán kho thành phẩm Cty CP Tập Đoàn thủy Sản Minh Phú - Chức vụ hiện tại: Nhân viên kiểm soát - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không - Hành vi vi phạm pháp luật: không có

Bà Đỗ Thị Hạnh 	Thành viên	- Năm sinh: 20/11/1977 - Nơi sinh: Thái Bình - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Quê quán: Thái Bình - Việt Nam - Trình độ văn hoá: Đại học - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán doanh nghiệp - Quá trình công tác: + 1999-2011: Kế toán Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú + 07/2011-05/2012: Kế toán giá thành Minh Phú Hậu Giang. + 06/2012- đến nay: Phó Phó Giám Đốc Tài Chính - Thủy Sản Minh Phú Hậu Giang. - Chức vụ hiện tại: Phó Giám Đốc Tài Chính - Thủy Sản Minh Phú Hậu Giang - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
Bà Lê Thị Thanh Thuý 	Thành viên	- Năm sinh: 13/11/1978 - Nơi sinh: Tiền Giang - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Quê quán: Tiền Giang - Việt Nam - Trình độ văn hoá: Đại học - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ chế biến Thủy Sản - Quá trình công tác: + 2002 - 2005: KCS Công Ty TNHH Chế Biến Thủy Sản Minh Quý + 08-2007 đến 07-2013: Kế toán thành phẩm Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú. + 08-2013 đến 08-2014: Kiểm soát nội bộ Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú. + 09-2014 đến nay: Kiểm soát nội bộ Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Minh Phú Hậu Giang. - Chức vụ hiện tại: Nhân viên kiểm soát - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không - Hành vi vi phạm pháp luật: không có

Hoạt động của ban kiểm soát

Thường xuyên kiểm tra kiểm soát toàn diện trên tất cả các mặt như : Chính sách tiền lương, tiền thưởng, tính chấp hành chính sách chế độ về quản lý tài chính , chế độ kế toán nhà nước ban hành. Thực hiện việc đầu tư, kiểm tra việc thực hiện quyền lợi của nhà đầu tư, kiểm soát việc thực hiện các quy chế của công ty.

Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị của công ty

Từng bước hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ của công ty, giảm thiểu chi phí và định mức tiêu hao nguyên liệu để giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh làm tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

Các giao dịch, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2015

STT	Nội dung	Số tiền
1	Hội đồng quản trị	1.200.000.000
2	Ban kiểm soát	240.000.000
	Tổng cộng	1.440.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : không có

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và BKS

STT	Họ và tên	Quan hệ	Ngày 01/01/2015		Ngày 31/12/2015		Thay đổi(+/-)	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Lê Văn Quang- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc		15.961.000	22,80	15.961.000	22,80	0	0
2	Chu Thị Bình – Thành viên HĐQT kiêm phó tổng giám đốc	Vợ	17.475.010	24,96	17.475.010	24,96	0	0
3	Lê Thị Diệu Minh	Con	3.155.000	4,51	3.155.000	4,51	0	0
4	Lê Văn Điệp – Thành viên HĐQT ,Phó tổng giám đốc	Em ruột	1.965.445	2,81	1.965.445	2,81	0	0
5	Chu Văn An – Thành viên HĐQT kiêm phó tổng giám đốc		1.109.400	1,58	1.109.400	1,58	0	0
6	Nguyễn T. Kim Trọng	Vợ	1.166	0,002	1.166	0,002	0	0
7	Jean-Eric Jacquemin - Thành viên HĐQT		-	-	-	-	-	-
8	Lê Ngọc Anh- Thành viên HĐQT ,Phó tổng giám đốc		1.100	0.0015	1.100	0.0015	-	

9	Lưu Minh Trung – Kế toán trưởng		-	-	-	-	-	
10	Nguyễn Xuân Toán- Thành viên BKS		-	-	-	-	-	
11	Nguyễn Thiện Tâm- Trưởng ban kiểm soát		-	-	-	-	-	-
12	Nguyễn Thị Hồng Cúc- Thành viên ban kiểm soát		-	-	-	-	-	
13	Trần Văn Khánh- Thành viên ban kiểm soát		-	-	-	-	-	
14	Đỗ Thị Hạnh- Thành viên ban kiểm soát		-	-	-	-	-	
15	Lê Thị Thanh Thủy- Thành viên ban kiểm soát		-	-	-	-	-	

Thông tin cổ đông

Các dữ liệu thống kê về cổ đông : Tại ngày 17/12/2013

❖ Cổ đông trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước: 61.543.390 cổ phiếu chiếm 87,92%
Trong đó :
 - + Cổ đông tổ chức : 9.258.758 cổ phiếu chiếm 13,23%
 - + Cổ đông cá nhân : 52.191.786 cổ phiếu chiếm 74,69 %
- Thông tin về các cổ đông lớn :
 - + Có 02 cổ đông là tổ chức nắm giữ 5% cổ phiếu trở lên :
 1. Vietnam Investment Fund 7,39% Cổ phần
 2. Long Phung Invest 5,84% Cổ phần
 - + Có 6 cổ đông là cá nhân nắm giữ 5 % cổ phiếu trở lên là :
 1. Ông Lê Văn Quang 22,80% Cổ phần
 2. Bà Chu Thị Bình 24,96% Cổ phần
 3. Bà Phạm Ngọc Hồng Thu 5,68% Cổ phần
 4. Ông Nguyễn Hồng Phúc 5,00% Cổ phần

❖ Cổ đông nước ngoài

- Tổng số cổ phần của tổ chức và cá nhân nước ngoài nắm giữ : 6.918.920 CP chiếm 9,88%
- + Cổ đông cá nhân : 84.060 Cổ phần chiếm 0,12%

- + Cổ đông tổ chức : 6.834.860 Cổ phần chiếm 9,76%
- Thông tin về cổ đông nước ngoài lớn chiếm 5% cổ phần trở lên : có 01 cổ đông
 - 1. Red River Holding : 6.628.290CP chiếm 9,47% Cổ phần

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh

6103000072	ngày 12 tháng 5 năm 2006
6103000072 (điều chỉnh lần 1)	ngày 25 tháng 5 năm 2007
6103000072 (điều chỉnh lần 2)	ngày 12 tháng 11 năm 2007
2000393273	ngày 23 tháng 6 năm 2010
2000393273 (điều chỉnh lần 1)	ngày 15 tháng 10 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
Bà Chu Thị Bình	Phó Chủ tịch
Ông Chu Văn An	Thành viên
Bà Đinh Ánh Tuyết	Thành viên
Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên
Ông Lê Văn Điệp	Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Lê Ngọc Anh	Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Bà Lê Thị Dịu Minh	Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thái Hoàng Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Dịu Minh	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 4 tháng 3 năm 2015)

Ban kiểm soát

Ông Phan Văn Dũng	Trưởng ban (đến ngày 17 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Thiện Tâm	Trưởng ban (từ ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Xuân Toán	Thành viên (đến ngày 17 tháng 4 năm 2015)
Bà Mai Thị Hoàng Minh	Thành viên (đến ngày 17 tháng 4 năm 2015)
Ông Trần Văn Khánh	Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2015)

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Phường 8
Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 67 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Văn Quang
Tổng giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 17 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các cổ đông

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 67.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-01-268

Chong Kwang Puay
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0864-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		7.264.438.888.490	7.592.303.033.585
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	864.823.486.140	82.925.910.682
Tiền	111		578.823.486.140	39.925.910.682
Các khoản tương đương tiền	112		286.000.000.000	43.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		894.002.745.737	1.702.410.149.436
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	14.811.109.411	14.811.109.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	(8.378.460.000)	(8.378.460.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	887.570.096.326	1.695.977.500.025
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.114.455.345.950	1.274.873.460.336
Phải thu của khách hàng	131	10	1.024.840.613.115	1.157.189.525.329
Trả trước cho người bán	132		24.453.712.846	40.563.587.942
Phải thu khác	136	11(a)	67.124.559.526	79.083.886.602
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	12	(1.963.539.537)	(1.963.539.537)
Hàng tồn kho	140	13	4.312.733.437.709	4.451.447.537.775
Hàng tồn kho	141		4.353.040.535.725	4.484.572.057.212
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(40.307.098.016)	(33.124.519.437)
Tài sản ngắn hạn khác	150		78.423.872.954	80.645.975.356
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	1.702.953.528	2.495.482.582
Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		51.481.759.271	60.977.287.270
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	20(b)	25.239.160.155	17.173.205.504

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.960.709.044.784	1.693.185.926.493
Các khoản phải thu dài hạn	210		240.968.677.481	-
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	240.968.677.481	-
Tài sản cố định	220		1.315.798.837.474	1.300.101.963.722
Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.166.508.919.101	1.165.597.485.579
Nguyên giá	222		2.001.193.042.633	1.835.169.365.722
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(834.684.123.532)	(669.571.880.143)
Tài sản cố định vô hình	227	15	149.289.918.373	134.504.478.143
Nguyên giá	228		161.463.696.680	144.429.647.061
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.173.778.307)	(9.925.168.918)
Tài sản dở dang dài hạn	240		145.000.706.037	250.025.933.670
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	145.000.706.037	250.025.933.670
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9(c)	114.271.100.000	13.080.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		107.271.100.000	6.080.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.000.000.000	7.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		144.669.723.792	129.978.029.101
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	99.156.557.781	98.226.128.809
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	38.048.334.925	21.198.173.506
Lợi thế thương mại	269	19	7.464.831.086	10.553.726.786
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		9.225.147.933.274	9.285.488.960.078

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.981.587.955.942	7.010.269.474.196
Nợ ngắn hạn	310		2.941.719.921.692	6.461.609.164.464
Phải trả người bán	311		185.066.153.541	132.370.318.344
Người mua trả tiền trước	312		15.504.424.887	10.324.243.728
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	20(a)	17.331.488.346	25.404.502.169
Phải trả người lao động	314		63.684.615.987	122.082.636.088
Chi phí phải trả	315	21	124.043.225.171	148.866.371.362
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	62.164.819.324	23.840.648.743
Vay ngắn hạn	320	24(a)	2.385.554.124.520	5.929.425.299.941
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	26	88.371.069.916	69.295.144.089
Nợ dài hạn	330		4.039.868.034.250	548.660.309.732
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	39.038.252.385	-
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	4.216.856.000	-
Trái phiếu	338	24(b)	3.968.916.666.671	500.000.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	24.958.626.502	45.606.014.928
Dự phòng dài hạn	342	25	2.737.632.692	3.054.294.804
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.243.559.977.332	2.275.219.485.882
Vốn chủ sở hữu	410	27	2.243.559.977.332	2.275.219.485.882
Vốn cổ phần	411	28	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		177.876.869.236	177.876.869.236
Cổ phiếu quỹ	415	28	(80.162.090.861)	(80.162.090.861)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		115.856.340.820	98.893.770.789
Quỹ đầu tư phát triển	418	30	74.079.253.264	47.138.548.094
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		774.411.832.544	843.274.384.403
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		481.497.772.329	488.198.004.221
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		9.225.147.933.274	9.285.488.960.078

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Người duyệt:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng	01	32	12.472.342.348.524	15.224.802.761.482
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	185.717.938.569	130.061.808.523
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	32	12.286.624.409.955	15.094.740.952.959
Giá vốn hàng bán	11	33	11.214.768.939.264	13.078.415.992.602
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.071.855.470.691	2.016.324.960.357
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	270.405.669.954	146.635.796.390
Chi phí tài chính	22	35	440.583.234.855	257.698.717.542
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>217.114.918.977</i>	<i>167.134.344.566</i>
Chi phí bán hàng	25	36	729.270.070.995	694.714.723.573
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	164.667.684.883	157.837.686.476
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		7.740.149.912	1.052.709.629.156
Thu nhập khác	31	38	20.918.014.777	9.762.705.782
Chi phí khác	32	39	16.521.947.296	14.934.290.801
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh khác (40 = 31 - 32)	40		4.396.067.481	(5.171.585.019)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.136.217.393	1.047.538.044.137
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	41	56.579.654.603	112.244.074.336
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	41	(37.497.549.845)	14.245.634.327
(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(6.945.887.365)	921.048.335.474

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(6.945.887.365)	921.048.335.474
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		32.446.203.539	755.076.670.570
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(39.392.090.904)	165.971.664.904
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	42	474	10.930

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Người duyệt:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		12.136.217.393	1.047.538.044.137
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		173.820.736.920	154.693.123.098
Các khoản dự phòng	03		6.394.478.025	3.600.739.283
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.721.155.911)	(8.622.178.524)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		(3.085.100.834)	6.719.080.167
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		3.913.827.619	-
Thu nhập tiền lãi và cổ tức	05		(99.636.721.086)	(86.895.987.151)
Lãi từ thanh lý công ty con	05		(94.558.760.422)	-
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06		221.031.585.648	167.134.344.566
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		215.295.107.352	1.284.167.165.576
Biến động các khoản phải thu	09		(106.160.210.466)	(152.286.584.556)
Biến động hàng tồn kho	10		191.437.939.783	(1.977.942.198.267)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(81.837.676.116)	(287.036.581.136)
Biến động chi phí trả trước	12		6.198.166.701	2.282.615.538
			224.933.327.254	(1.130.815.582.845)
Tiền lãi vay đã trả	14		(195.424.163.860)	(161.027.571.892)
Thuế thu nhập đã nộp	15		(69.238.625.918)	(52.851.382.432)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(23.141.286.513)	(30.964.920.593)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(62.870.749.037)	(1.375.659.457.762)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(147.619.628.310)	(105.346.176.588)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		5.688.207.167	-
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23		(782.500.000.000)	(1.760.700.000.000)
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24		1.591.706.666.409	202.427.130.255
Tiền chi đầu tư vào các công ty liên kết	25		(5.371.100.000)	(3.900.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		138.639.225.723	47.640.622.002
Tiền thuần thu từ thanh lý công ty con	28	7	123.370.911.222	-
Tiền thuần mua công ty con (đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua)	29	6	(3.260.046.575)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		920.654.235.636	(1.619.878.424.331)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền nhận góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	31		100.000.000	-
Tiền mua lại cổ phiếu quỹ	32		-	(61.624.685.000)
Tiền vay và trái phiếu nhận được	33		14.211.998.708.364	18.199.610.889.605
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14.255.869.883.785)	(16.491.849.230.470)
Tiền chi cho việc phát hành trái phiếu	34		(35.000.000.000)	-
Tiền trả cổ tức	35		-	(566.414.210.057)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(78.771.175.421)	1.079.722.764.078
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		779.012.311.178	(1.915.815.118.015)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		82.925.910.682	2.000.246.094.247
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		2.885.264.280	(1.505.065.550)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	864.823.486.140	82.925.910.682

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Người duyệt:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

a. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 23 tháng 6 năm 2010.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con, chi tiết được trình bày tại mục (d) dưới đây, (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

b. Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

c. Kỳ kế toán năm

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn trong vòng 12 tháng.

d. Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 11 công ty con (1/1/2015: 10 công ty con) chi tiết như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	% quyền sở hữu	
		31/12/2015	1/1/2015
Mseafood Corporation	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	90,0%	90,0%
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	Chế biến và kinh doanh bột cá, các sản phẩm thủy sản, dầu cá sinh học; kinh doanh hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.	67,5%	67,5%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	97,5%	97,5%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	95,0%	95,0%
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; sản xuất giống thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	99,1%	99,1%

Công ty con	Hoạt động chính	% quyền sở hữu	
		31/12/2015	1/1/2015
Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Sản xuất, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; kinh doanh thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.	98,5%	98,5%
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thực phẩm thủy sản, kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú	Sản xuất các sản phẩm sinh học và phân bón phục vụ ngành nông nghiệp.	100%	100%
Công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền (*)	Sản xuất giống thủy sản; nuôi trồng, chế biến và bảo quản thủy hải sản; sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản, mua bán máy móc và thiết bị nông nghiệp; mua bán thức ăn và nguyên liệu gia súc, gia cầm và thủy sản.	-	100%
Công ty TNHH Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản; chế biến sản phẩm thủy sản; sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị cho nuôi trồng thủy sản.	100%	100%
Ebisumo Logistic Co., Ltd. (**)	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	100%	-
Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang (xem Thuyết minh 6)	Xây dựng cảng vận tải, cảng dầu khí; kinh doanh dầu khí, kinh doanh các loại máy móc và thiết bị cho sản xuất.	83,72%	-

(*) Tại ngày 1 tháng 11 năm 2014, Hội đồng Quản trị đã thông qua Quyết định số 06/BB.HĐQT.2014 về việc giải thể Công ty TNHH Một thành viên Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Hòa Điền. Quá trình giải thể đã được hoàn tất trong năm.

(**) Tại ngày 15 tháng 5 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã thông qua Quyết định số 155/BB.HĐQT.2015 về việc thành lập Ebisumo Logistic Co., Ltd. tại Nhật Bản với vốn pháp định được duyệt là 600.000 USD. Công ty chưa góp vốn tại ngày báo cáo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 3 công ty liên kết (1/1/2015: 2 công ty liên kết) chi tiết được trình bày trong Thuyết minh 9(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 12.956 nhân viên (1/1/2015: 14.860 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

a. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

b. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

c. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

d. Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202 từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Các thay đổi đáng kể trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất sau đây:

Cơ sở hợp nhất (thuyết minh 4(a))

Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 4(b))

Lãi trên cổ phiếu (thuyết minh 4(s))

Lợi thế thương mại (thuyết minh 4(k)).

Các thông tư cũng có những thay đổi về việc trình bày một số khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất. Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện hành. Chi tiết về việc phân loại một vài số liệu so sánh được trình bày trong Thuyết minh 45 của báo cáo tài chính hợp nhất này.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

a. Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc thay đổi quyền sở hữu của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ sự kiện này được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202, chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lợi ích cổ đông không kiểm soát (trước đây gọi là lợi ích cổ đông thiểu số) được trình bày là một mục riêng trong Nguồn vốn. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày là một mục riêng trong Vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

b. Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tập đoàn gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và các khoản vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các cơ sở hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

c. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

d. Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

e. Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

f. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

g. Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

nhà cửa	5 – 39 năm
máy móc và thiết bị	4 – 15 năm
phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

h. Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 10 năm.

i. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

j. Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 6 đến 20 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

k. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ), được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lợi thế thương mại trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết được phân bổ theo phương pháp đường thẳng. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư

200, lợi thế thương mại trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết không được tiếp tục phân bổ nữa.

l. Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

m. Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

n. Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

o. Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

m. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

p. Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

q. Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

r. Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản liên quan.

s. Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Công ty không có lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phần bỏ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản lợi nhuận dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

t. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

u. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

Nuôi trồng sản phẩm thủy sản
Chế biến sản phẩm thủy sản
Kinh doanh sản phẩm thủy sản
Khác

5. Báo cáo bộ phận

a. Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Nuôi trồng sản phẩm thủy sản
- Chế biến sản phẩm thủy sản
- Kinh doanh sản phẩm thủy sản
- Khác

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	148.796.000	6.569.636.735.651	5.668.382.008.718	48.456.869.586	-	12.286.624.409.955
Doanh thu giữa các bộ phận	47.420.647.457	8.089.929.364.666	51.602.249.994	97.877.370.570	(8.286.829.632.687)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	47.569.443.457	14.659.566.100.317	5.719.984.258.712	146.334.240.156	(8.286.829.632.687)	12.286.624.409.955
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(75.353.492.545)	185.774.980.638	52.240.868.080	7.322.468.962	7.932.889.678	177.917.714.813
Doanh thu hoạt động tài chính						270.405.669.954
Chi phí tài chính						(440.583.234.855)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh						7.740.149.912
Thu nhập khác						20.918.014.777
Chi phí khác						(16.521.947.296)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(19.082.104.758)
Lỗ thuần						(6.945.887.365)

	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản	Chế biến sản phẩm thủy sản	Kinh doanh sản phẩm thủy sản	Khác	Loại trừ	Hợp nhất
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	179.722.305	9.466.876.819.579	5.573.262.223.831	54.422.187.244	-	15.094.740.952.959
Doanh thu giữa các bộ phận	43.867.537.283	11.045.350.743.242	45.819.920.161	57.470.262.556	(11.192.508.463.242)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	44.047.259.588	20.512.227.562.821	5.619.082.143.992	111.892.449.800	(11.192.508.463.242)	15.094.740.952.959
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(30.095.941.235)	1.138.083.193.299	43.964.969.544	21.247.705.385	(9.427.376.685)	1.163.772.550.308
Doanh thu hoạt động tài chính						146.635.796.390
Chi phí tài chính						(257.698.717.542)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh						1.052.709.629.156
Thu nhập khác						9.762.705.782
Chi phí khác						(14.934.290.801)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(126.489.708.663)
Lợi nhuận thuần sau thuế						921.048.335.474

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	281.974.726.408	7.283.134.202.193	1.849.825.944.332	129.427.067.667	(1.387.056.879.992)	8.157.305.060.608
Đầu tư vào công ty liên kết						107.271.100.000
Tài sản không phân bổ						960.571.772.666
Tổng tài sản						9.225.147.933.274
Nợ phải trả của bộ phận						6.928.831.801.649
Nợ phải trả không phân bổ						52.756.154.293
Tổng nợ phải trả						6.981.587.955.942
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015						
Chi tiêu vốn	590.114.344	136.309.217.485	-	10.720.296.481	-	147.619.628.310
Khấu hao và phân bổ	21.346.462.595	144.312.036.804	321.880.284	4.751.461.537	3.088.895.700	173.820.736.920

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Đầu tư vào công ty liên kết Tài sản không phân bổ	315.931.041.217	7.613.627.174.103	1.957.965.667.031	66.195.865.754	(2.468.531.203.310)	7.485.188.544.795 6.080.000.000 1.794.220.415.283
Tổng tài sản						9.285.488.960.078
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	165.641.460.460	7.630.232.911.355	1.580.440.980.172	7.797.638.604	(2.425.556.303.997)	6.958.556.686.594 51.712.787.602
Tổng nợ phải trả						7.010.269.474.196
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014						
Chi tiêu vốn	8.138.164.351	88.514.898.565	-	8.693.113.672	-	105.346.176.588
Khấu hao và phân bổ	15.506.241.760	131.512.160.783	320.356.424	4.265.468.431	3.088.895.700	154.693.123.098

b. Bộ phận chia theo vùng địa lý
(i) Doanh thu bộ phận

	Doanh thu bán ra bên ngoài	
	2015	2014
	VND	VND
Việt Nam	56.476.139.162	87.668.533.661
Bắc Mỹ	6.455.139.704.585	7.531.971.761.748
Châu Âu	1.197.938.353.329	1.623.703.459.571
Nhật Bản	2.271.946.185.690	3.271.168.741.917
Hàn Quốc	706.027.891.108	1.164.887.885.387
Khác	1.599.096.136.081	1.415.340.570.675
	12.286.624.409.955	15.094.740.952.959

(ii) Tài sản bộ phận

	Tổng tài sản	
	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Việt Nam	7.551.260.469.265	7.348.164.799.186
Bắc Mỹ	1.673.887.464.009	1.937.324.160.892
	9.225.147.933.274	9.285.488.960.078

6. Hợp nhất kinh doanh

Tại 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn nắm giữ 40% cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang. Vào ngày 10 tháng 4 năm 2015, Tập đoàn đã quyết định mua 60% cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang từ Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng, một bên liên quan, theo giá gốc. Kết quả là Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang trở thành công ty con sở hữu hoàn toàn từ ngày 10 tháng 4 năm 2015. Tại ngày mua, vốn cổ phần đã được duyệt của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang vẫn chưa được phát hành đầy đủ.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền	9.953.425	-	9.953.425
Các khoản phải thu – ngắn hạn	272.087.800	-	272.087.800
Tài sản ngắn hạn khác	371.138.840	-	371.138.840
Xây dựng cơ bản dở dang (thuyết minh 16)	9.413.893.104	-	9.413.893.104
Chi phí trả trước dài hạn (thuyết minh 17(b))	59.921.935	-	59.921.935
Phải trả người bán	(4.668.995.104)	-	(4.668.995.104)
Phải trả người lao động	(8.000.000)	-	(8.000.000)
Tài sản thuần có thể xác định được	5.450.000.000	-	5.450.000.000
Giá trị ghi sổ của lợi ích vốn chủ sở hữu đã nắm giữ trước đây (40%) (thuyết minh 9(c))			2.180.000.000
Khoản thanh toán cho việc mua lại			3.270.000.000
Khoản tiền thu được			(9.953.425)
Khoản tiền thanh toán thuần			3.260.046.575

Sau ngày mua, Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang đã phát hành đầy đủ vốn cổ phần đã được duyệt là 200 tỉ VND. Công ty đã mua 9.455.000 cổ phiếu tương đương với 94.550.000.000 VND và nắm giữ 50% cổ phần. Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang đã mua lại 9.990.000 cổ phiếu tương đương với 99.900.000.000 VND và nắm giữ 49,95% lợi ích. Kết quả là tỷ lệ phần trăm lợi ích vốn chủ sở hữu và lợi ích kinh tế của Tập đoàn đối với Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang lần lượt là 99,95% và 83,72%, dẫn đến các ảnh hưởng sau:

	VND
Giá trị giao dịch, đã trừ đi tiền mặt nhận được	100.000.000
Tài sản thuần suy giảm	(32.567.500.000)
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận chưa phân phối (thuyết minh 27)	(32.467.500.000)

7. Thanh lý công ty con

a. Thanh lý Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây

Tại ngày 1 tháng 8 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang đã thông qua Quyết định số 011.BOD.MPHG 15 về việc thành lập Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây và góp vốn đầy đủ bằng tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 8 năm 2015.

Tại ngày 15 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang đã thông qua Quyết định số 016.BOD.MPHG 15 về việc thanh lý tất cả vốn góp trong Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây, một công ty con, cho một bên thứ ba với giá trị tiền mặt là 63.000.000.000 VND. Giao dịch này dẫn đến Công ty không còn nắm giữ lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây.

Việc thanh lý này có ảnh hưởng tới bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn tại ngày thanh lý như sau:

VND

Tiền	20.771.019
Chi phí trả trước ngắn hạn	170.228.981
Tài sản cố định vô hình – nguyên giá (thuyết minh 15)	9.903.492.870
Tài sản cố định vô hình – giá trị hao mòn lũy kế (thuyết minh 15)	(830.602.850)
Phải trả ngắn hạn khác	(191.000.000)
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần bị thanh lý	9.072.890.020
Lãi ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (thuyết minh 34)	53.927.109.980
Thu nhập từ thanh lý	63.000.000.000
Tiền chưa nhận được từ thanh lý	(33.000.000.000)
Tiền thu từ thanh lý	30.000.000.000
Số dư tiền của công ty con bị thanh lý	(20.771.019)
Dòng tiền từ thanh lý công ty con - đã trừ đi số dư tiền của công ty con bị thanh lý	29.979.228.981

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đã nhận được 30 tỷ VND từ bên thứ ba. Sau đó, khoản phải thu còn lại 33 tỷ VND đã thu được vào ngày 15 tháng 1 năm 2016.

b. Thanh lý Công ty TNHH Mekong Logistic

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang vào ngày 16 tháng 6 năm 2015 đã quyết định thành lập một công ty con sở hữu hoàn toàn, Công ty TNHH Mekong Logistic. Sau khi thành lập, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang đã quyết định bán 51% lợi ích kinh tế trong Công ty TNHH Mekong Logistic cho một bên thứ ba. Kết quả là Công ty TNHH Mekong Logistic trở thành công ty liên kết.

Việc thanh lý này có ảnh hưởng tới bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn tại ngày thanh lý như sau:

VND

Tiền	8.608.317.759
Trả trước cho người bán	56.167.245.455
Xây dựng cơ bản dở dang (thuyết minh 16)	55.552.872.889
Chi phí trả trước dài hạn (thuyết minh 17(b))	1.661.070
Tổng giá trị ghi sổ của tài sản thuần	120.330.097.173
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần bị thanh lý (51%)	61.368.349.558
Lãi ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (thuyết minh 34)	40.631.650.442

	VND
Tiền thu từ thanh lý	102.000.000.000
Số dư tiền của công ty con bị thanh lý	(8.608.317.759)
Dòng tiền từ thanh lý công ty con - đã trừ đi số dư tiền của công ty con bị thanh lý	93.391.682.241
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần được giữ lại (49%)	58.961.747.615
Lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản góp cho công ty liên kết (thuyết minh 22)	39.038.252.385
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào Công ty TNHH Mekong Logistic sau khi thanh lý (thuyết minh 9(c))	98.000.000.000

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	4.117.069.597	2.358.070.841
Tiền gửi ngân hàng	574.706.416.543	37.567.839.841
Các khoản tương đương tiền	286.000.000.000	43.000.000.000
	864.823.486.140	82.925.910.682

9. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015				1/1/2015			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu:								
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	141.800	6.004.500.000	952.000.000	(4.359.160.000)	141.800	6.004.500.000	903.840.000	(4.359.160.000)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 8	112.000	5.263.000.000	1.446.360.000	(4.019.300.000)	112.000	5.263.000.000	1.985.200.000	(4.019.300.000)
▪ Công ty Cổ phần cơ điện lạnh	8	80.000	201.600	-	8	80.000	194.400	-
▪ Công ty cổ phần công nghệ mới Kim Tự Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	449.681.470	-	18.823	272.941.176	451.563.770	-
▪ Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	125.882	3.270.588.235	2.265.876.000	-	125.882	3.270.588.235	3.165.932.300	-
		<u>14.811.109.411</u>	<u>5.114.119.070</u>	<u>(8.378.460.000)</u>		<u>14.811.109.411</u>	<u>6.506.730.470</u>	<u>(8.378.460.000)</u>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	887.570.096.326	1.695.977.500.025

Khoản này phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 5,0% đến 7,0% trong năm (2014: từ 6,0% đến 8,1%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tiền gửi có kỳ hạn với giá trị ghi sổ là 687.070 triệu VND (1/1/2015: 1.073.200 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 24(a)).

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư góp vốn vào:						
Công ty liên kết						
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,0%	49,0%	3.900.000.000	(***)	-
▪ Công ty TNHH Mekong Logistic (*)	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	41,0%	49,0%	98.000.000.000	(***)	-
▪ Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam (**)	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	23,6%	35,0%	5.371.100.000	(***)	-
				107.271.100.000		-
Đơn vị khác						
▪ Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(***)	-
				114.271.100.000		-

Ngày 1 tháng 1 năm 2015	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư góp vốn vào:						
Công ty liên kết						
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,0%	49,0%	3.900.000.000	(***)	-
▪ Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	40,0%	40,0%	2.180.000.000	(***)	-
				6.080.000.000		-
Đơn vị khác						
▪ Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(***)	-
				13.080.000.000		-

(*) Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang vào ngày 16 tháng 6 năm 2015 đã quyết định thành lập một công ty con sở hữu hoàn toàn, Công ty TNHH Mekong Logistic. Sau khi thành lập, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang đã quyết định bán 51% lợi ích kinh tế trong Công ty TNHH Mekong Logistic cho một bên thứ ba. Kết quả là Công ty TNHH Mekong Logistic trở thành công ty liên kết.

(**) Tại ngày 1 tháng 8 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang đã thông qua Quyết định số 011.BOD.MPHG 15 về việc đầu tư 5.371.100.000 VND và nắm giữ 35% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam. Kết quả là tỷ lệ phần trăm lợi ích vốn chủ sở hữu và lợi ích kinh tế của Tập đoàn đối với Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam lần lượt là 35% và 26.3%. Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam trở thành công ty liên kết.

(***) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

10. Phải thu của khách hàng

a. Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng chính

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Censea Inc.	208.362.590.678	204.234.435.988
Kailis Bros PTY Ltd	133.140.037.118	111.401.039.038
Các khách hàng khác	683.337.985.319	841.554.050.303
	1.024.840.613.115	1.157.189.525.329

b. Phải thu của khách hàng là bên liên quan:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	2.058.898.500	2.058.898.500

Khoản phải thu từ bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi theo yêu cầu.

Trong phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 454.473 triệu VND (1/1/2015: 560.607 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 24).

11. Phải thu khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Lãi tiền gửi phải thu	14.055.860.918	53.058.365.555
Phải thu từ thanh lý công ty con	33.000.000.000	-
Cho người lao động vay (*)	4.300.361.909	5.838.761.909
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải thu người lao động	2.383.050.863	3.008.306.749
Tạm ứng cho nhân viên	2.116.731.258	4.093.053.605
Ký quỹ ngắn hạn	-	1.135.186.165
Các khoản phải thu khác	11.268.554.578	11.950.212.619
	67.124.559.526	79.083.886.602

(*) Khoản này thể hiện khoản tiền cho người lao động vay, không được đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả theo yêu cầu.

b. Phải thu dài hạn khác

Theo Luật Chống bán phá giá của Hoa Kỳ, Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”), một công ty con, phải nộp thuế chống bán phá giá theo quyết định thường niên của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (“DOC”). Mỗi năm, Mseafood phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo mức thuế suất tạm tính do DOC qui định. Sau đó, thuế chống bán phá giá sẽ được quyết toán và thanh toán dựa theo quyết định hàng năm.

Các khoản phải thu dài hạn khác thuộc về Mseafood phản ánh khoản trả trước thuế chống bán phá giá.
Chi tiết khoản phải thu này như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	214.693.346.100	-
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015	26.275.331.381	-
	240.968.677.481	-

12.Nợ xấu và nợ khó đòi

31/12/2015					1/1/2015			
Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Chế biến và xuất nhập khẩu Thủy hải sản Việt Hải	2 – 3 năm	982.302.147	-	982.302.147	2 – 3 năm	982.302.147	-	982.302.147
Công ty Cổ phần Nuôi trồng và chế biến Thủy sản Mô Ó Sóc Trăng	2 – 3 năm	771.913.390	-	771.913.390	2 – 3 năm	771.913.390	-	771.913.390
Công ty TNHH Thanh Bình	2 – 3 năm	209.324.000	-	209.324.000	2 – 3 năm	209.324.000	-	209.324.000
			1.963.539.537	-	1.963.539.537			1.963.539.537
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn				1.963.539.537				1.963.539.537

13. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	23.689.618.439	-	801.717.688	-
Nguyên vật liệu	120.548.459.934	-	142.899.967.589	-
Công cụ và dụng cụ	6.436.274.665	-	6.723.830.143	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	68.155.627.012	-	48.945.047.113	-
Thành phẩm	4.134.210.555.675	(40.307.098.016)	4.285.201.494.679	(33.124.519.437)
	4.353.040.535.725	(40.307.098.016)	4.484.572.057.212	(33.124.519.437)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	33.124.519.437	26.966.731.348
Tăng dự phòng trong năm	46.356.949.014	24.535.298.066
Hoàn nhập	(39.962.470.989)	(18.522.710.238)
Chênh lệch tỷ giá	788.100.554	145.200.261
Số dư cuối năm	40.307.098.016	33.124.519.437

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 3.292.565 triệu VND (1/1/2015: 3.006.719 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 24).

Trong thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 841.226 triệu VND (1/1/2015: 676.591 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	685.620.763.410	981.125.488.930	148.709.188.180	19.713.925.202	1.835.169.365.722
Tăng trong năm	2.181.909.092	94.579.252.581	5.607.072.973	299.299.843	102.667.534.489
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	42.238.779.869	24.588.422.000	-	42.450.000	66.869.651.869
Thanh lý	-	(4.004.524.017)	(132.091.370)	-	(4.136.615.387)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	592.357.349	-	-	30.748.591	623.105.940
Số dư cuối năm	730.633.809.720	1.096.288.639.494	154.184.169.783	20.086.423.636	2.001.193.042.633
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	171.205.335.478	434.090.831.533	56.032.424.396	8.243.288.736	669.571.880.143
Khấu hao trong năm	45.694.173.665	102.920.093.730	16.699.467.648	2.239.382.770	167.553.117.813
Thanh lý	-	(2.464.310.517)	(132.091.370)	-	(2.596.401.887)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	125.137.010	-	-	30.390.453	155.527.463
Số dư cuối năm	217.024.646.153	534.546.614.746	72.599.800.674	10.513.061.959	834.684.123.532
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	514.415.427.932	547.034.657.397	92.676.763.784	11.470.636.466	1.165.597.485.579
Số dư cuối năm	513.609.163.567	561.742.024.748	81.584.369.109	9.573.361.677	1.166.508.919.101

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 121.328 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 91.575 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 615.262 triệu VND (1/1/2015: 783.098 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 24).

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có xác định thời hạn VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	18.050.904.660	123.627.822.571	2.750.919.830	144.429.647.061
Tăng trong năm	-	-	770.015.000	770.015.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	26.629.341.500	26.629.341.500
Thanh lý	-	(1.162.404.001)	-	(1.162.404.001)
Thanh lý công ty con (thuyết minh (7a))	-	(9.903.492.870)	-	(9.903.492.870)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	700.589.990	-	-	700.589.990
Số dư cuối năm	18.751.494.650	112.561.925.700	30.150.276.330	161.463.696.680
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	8.435.560.570	1.489.608.348	9.925.168.918
Khấu hao trong năm	-	2.387.684.027	791.039.380	3.178.723.407
Thanh lý	-	(99.511.168)	-	(99.511.168)
Thanh lý công ty con (thuyết minh (7a))	-	(830.602.850)	-	(830.602.850)
Số dư cuối năm	-	9.893.130.579	2.280.647.728	12.173.778.307
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	18.050.904.660	115.192.262.001	1.261.311.482	134.504.478.143
Số dư cuối năm	18.751.494.650	102.668.795.121	27.869.628.602	149.289.918.373

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 2.742 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 2.177 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 86.845 triệu VND (1/1/2015: 64.070 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 24).

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	250.025.933.670	230.730.922.603
Tăng trong năm	44.182.078.821	41.773.198.639
Phân loại lại từ tài sản ngắn hạn khác	-	49.253.326.800
Tăng do hợp nhất kinh doanh (thuyết minh 6)	9.413.893.104	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(66.869.651.869)	(66.195.140.508)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(26.629.341.500)	(116.000.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(5.655.505.681)	(5.420.373.864)
Xóa sổ	(3.913.827.619)	-
Thanh lý công ty con (thuyết minh 7(b))	(55.552.872.889)	-
Số dư cuối năm	145.000.706.037	250.025.933.670

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Nhà cửa	32.972.225.543	147.963.627.095
Quyền sử dụng đất	97.360.504.552	49.407.753.668
Phần mềm kế toán	-	20.959.234.000
Máy móc	3.560.994.364	3.497.358.000
Khác	11.106.981.578	28.197.960.907
	145.000.706.037	250.025.933.670

17. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí công cụ và dụng cụ trả trước	1.702.953.528	2.495.482.582

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí trước hoạt động VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	52.087.730.817	646.627.312	39.370.982.130	6.120.788.550	98.226.128.809
Tăng trong năm	-	-	35.437.937.230	-	35.437.937.230
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	5.655.505.681	-	5.655.505.681
Tăng do hợp nhất kinh doanh (thuyết minh 6)	-	-	59.921.935	-	59.921.935
Thanh lý công ty con (thuyết minh 7(b))	-	-	(1.661.070)	-	(1.661.070)
Phân bổ trong năm	(3.286.794.648)	(646.627.312)	(30.167.064.294)	(6.120.788.550)	(40.221.274.804)
Số dư cuối năm	48.800.936.169	-	50.355.621.612	-	99.156.557.781

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 1.357 triệu VND (1/1/2015: 4.517 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 24(a)).

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn	52%	19.989.457.765	19.768.453.684
Các khoản dự phòng	10%	29.439.883	1.429.719.822
Lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản góp cho công ty liên kết	22%	8.588.415.525	-
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	5%	9.441.021.752	-
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		38.048.334.925	21.198.173.506
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con	10%	(24.762.347.389)	(43.451.918.275)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10%	(196.279.113)	(2.154.096.653)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(24.958.626.502)	(45.606.014.928)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(thuế thu nhập hoãn lại phải trả) thuần		13.089.708.423	(24.407.841.422)

19. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	30.888.957.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	20.335.230.214
Khấu hao trong năm	3.088.895.700
Số dư cuối năm	23.424.125.914
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	10.553.726.786
Số dư cuối năm	7.464.831.086

20. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

a. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Cần trừ VND	Chênh lệch quy đổi tỷ giá VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.467.679.371	7.602.576.679	(8.600.534.495)	-	-	469.721.555
Thuế xuất nhập khẩu	-	22.372.307.267	(22.372.307.267)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.516.001.966	56.579.654.603	(54.645.411.347)	(8.949.440.014)	89.795.766	15.590.600.974
Thuế thu nhập cá nhân	1.409.601.232	8.667.882.164	(8.806.767.579)	-	-	1.270.715.817
Các loại thuế khác	11.219.600	135.030.545	(145.800.145)	-	-	450.000
	25.404.502.169	95.357.451.258	(94.570.820.833)	(8.949.440.014)	89.795.766	17.331.488.346

b. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	273.715.276	14.593.214.571	-	14.866.929.847
Thuế xuất nhập khẩu	16.839.024.763	-	(7.027.577.736)	9.811.447.027
Thuế thu nhập cá nhân	60.465.465	520.639.588	(20.321.772)	560.783.281
	17.173.205.504	15.113.854.159	(7.047.899.508)	25.239.160.155

21. Chi phí phải trả

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2008 đến ngày 31 tháng 1 năm 2009	-	7.480.880.092
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2009 đến ngày 31 tháng 1 năm 2010	-	16.097.997.474
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2010 đến ngày 31 tháng 1 năm 2011	-	4.262.376.251
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2012 đến ngày 31 tháng 1 năm 2013	83.969.328.994	54.754.580.589
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2013 đến ngày 31 tháng 1 năm 2014	37.994.001.633	23.399.650.272
Dịch vụ thuê ngoài phải trả	2.079.894.544	1.678.291.000
Lương và thưởng	-	41.192.595.684
	124.043.225.171	148.866.371.362

Thuế chống bán phá giá phải trả tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được quyết toán. Thuế chống bán phá giá tại và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trả và ghi nhận trực tiếp trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc tin rằng thuế chống phá giá cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ nhất quán với tỷ lệ quyết toán cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2011 đến ngày 31 tháng 1 năm 2012 là 0% theo tư vấn từ luật sư.

22. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản góp vào một công ty liên kết (Thuyết minh 7(c))	39.038.252.385	-

23. Phải trả khác

a. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Lãi vay phải trả	27.797.527.791	6.106.772.674
Cổ tức phải trả	4.379.739.291	2.619.368.300
Tiền nhận ký quỹ ngắn hạn	7.524.694.852	6.698.010.222
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	3.678.815.570	1.678.478.386
Tiền thuê đất phải trả	4.058.505.504	4.324.025.452
Tạm ứng từ một bên thứ ba (*)	7.140.634.883	-
Lãi vay phải trả	708.008.981	392.099.083
Cổ tức phải trả	6.876.892.452	2.021.894.626
	62.164.819.324	23.840.648.743

(*) Khoản này phản ánh tạm ứng tiền mặt nhận được từ một bên thứ ba theo thỏa thuận hợp tác liên doanh ngày 12 tháng 8 năm 2015 để nuôi trồng và kinh doanh thủy sản.

b. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ký quỹ dài hạn nhận được	4.216.856.000	-

Phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015 không quá hạn.

24.Vay và trái phiếu

	Vay ngắn hạn		Biến động trong năm		31/12/2015	
	1/1/2015	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng
	Giá trị ghi sổ	trả nợ	VND	VND	VND	trả nợ
	VND	VND				VND
a. Vay ngắn hạn	5.929.425.299.941	5.929.425.299.941	10.711.998.708.364	(14.255.869.883.785)	2.385.554.124.520	2.385.554.124.520

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 1	VND	5,0%	764.100.136.557	-
Khoản vay 2	VND	5,0%	18.370.579.932	-
Khoản vay 3	VND	5,0%	831.009.062.191	-
Khoản vay 4	JPY	2,8% - 3,0%	-	28.829.670.190
Khoản vay 5	USD	2,4%	-	2.351.540.412.592
Khoản vay 6	USD	2,4%	-	24.686.844.600
Khoản vay 7	USD	2,4%	-	57.548.674.280
Khoản vay 8	USD	2,4%	-	1.814.507.930.212
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 1	VND	4,7% - 5,0%	312.221.609.610	-
Khoản vay 2	VND	4,7% - 5,0%	115.544.370.180	-
Khoản vay 3	USD	2,4%	-	189.730.695.320
Khoản vay 4	USD	2,4%	-	569.967.688.220
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 1	VND	4,7% - 5,0%	315.300.918.770	-
Khoản vay 2	USD	2,2% - 2,4%	-	892.613.384.527

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 1	VND	5,0%	764.100.136.557	-
Khoản vay 2	VND	5,0%	18.370.579.932	-
Khoản vay 3	VND	5,0%	831.009.062.191	-
Khoản vay 4	JPY	2,8% - 3,0%	-	28.829.670.190
Khoản vay 5	USD	2,4%	-	2.351.540.412.592
Khoản vay 6	USD	2,4%	-	24.686.844.600
Khoản vay 7	USD	2,4%	-	57.548.674.280
Khoản vay 8	USD	2,4%	-	1.814.507.930.212
 Khoản vay 1	 VND	 5,0%	 29.007.447.280	 -
			2.385.554.124.520	5.929.425.299.941

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiền gửi có kỳ hạn) (thuyết minh 9(b))	678.070.096.326	1.073.200.000.000
Phải thu khách hàng (thuyết minh 10)	212.776.000.238	560.606.997.260
Hàng tồn kho (thuyết minh 13)	1.986.749.874.765	3.006.718.546.100
Tài sản cố định hữu hình (thuyết minh 14)	335.907.164.351	783.097.604.776
Tài sản cố định vô hình (thuyết minh 15)	2.175.874.192	64.069.869.789
Chi phí trả trước dài hạn (thuyết minh 17(b))	1.356.937.172	4.517.028.663
	3.217.035.947.044	5.492.210.046.588

b. Trái phiếu

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu doanh nghiệp dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi					
Lô 1 (*)	VND	9,65%	2017	500.000.000.000	500.000.000.000
Lô 2 (**)	VND	7,50%	2020	2.477.916.666.669	-
Lô 3 (***)	VND	7,50%	2020	991.000.000.002	-
				3.968.916.666.671	500.000.000.000

(*) Trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 1 tỷ đồng được phát hành vào ngày 17 tháng 9 năm 2014 là trái phiếu không được đảm bảo và không chuyển đổi. Trái phiếu doanh nghiệp chịu lãi suất 9,65% trong năm đầu tiên; từ năm thứ hai, lãi suất được tính dựa vào lãi suất tiền gửi bình quân của bốn ngân hàng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam) cộng 2,65%. Trái phiếu sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 25 tháng 9 năm 2017.

(**) Trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 1 tỷ đồng được phát hành vào ngày 20 tháng 5 năm 2015 được đảm bảo bằng khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con với giá trị ghi sổ là 514.250 triệu VND và không chuyển đổi. Trái phiếu sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 20 tháng 5 năm 2020. Trái phiếu được trình bày theo mệnh giá trừ đi chi phí phát hành. Chi phí phát hành được tính phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(***) Trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 1 tỷ đồng được phát hành vào ngày 3 tháng 7 năm 2015 được đảm bảo lần lượt bằng khoản phải thu khách hàng (241.697 triệu VND) (thuyết minh 10), hàng tồn kho (1.305.815 triệu VND) (thuyết minh 13), tài sản cố định hữu hình (279.355 triệu VND) (thuyết minh 14) và tài sản cố định vô hình (84.669 triệu VND) (thuyết minh 15) và không chuyển đổi. Trái phiếu sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 3 tháng 7 năm 2020. Trái phiếu được trình bày theo mệnh giá trừ đi chi phí phát hành. Chi phí phát hành được tính phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

25. Dự phòng dài hạn

Biến động dự phòng dài hạn trong năm như sau:

	Trợ cấp thôi việc	
	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.054.294.804	3.359.663.105
Trích lập dự phòng trong năm	-	860.646.804
Sử dụng dự phòng trong năm	(316.662.112)	(1.166.015.105)
Số dư cuối năm	2.737.632.692	3.054.294.804

26. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	69.295.144.089	74.576.029.040
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối	27.101.848.228	32.091.405.133
Phân loại lại sang phải thu khác	-	(23.852.696.398)
Sử dụng quỹ	(8.025.922.401)	(13.519.593.686)
Số dư cuối năm	88.371.069.916	69.295.144.089

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	700.000.000.000	177.876.869.236	(18.537.405.861)	93.674.067.633	46.193.076.413	585.138.995.010	436.327.670.345	2.020.673.272.776
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	755.076.670.570	165.971.664.904	921.048.335.474
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(61.624.685.000)	-	-	-	-	(61.624.685.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	19.568.019.222	(19.568.019.222)	-	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(32.091.405.133)	-	(32.091.405.133)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	(448.288.090.000)	(114.018.300.607)	(562.306.390.607)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(16.279.311.802)	-	-	(16.279.311.802)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	-	-	-	5.219.703.156	-	-	579.967.018	5.799.670.174
Phân bổ vào lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(2.343.235.739)	3.006.233.178	(662.997.439)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	98.893.770.789	47.138.548.094	843.274.384.403	488.198.004.221	2.275.219.485.882
Cổ đông không kiểm soát góp vốn	-	-	-	-	-	-	100.000.000	100.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	32.446.203.539	(39.392.090.904)	(6.945.887.365)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	41.739.407.170	(41.739.407.170)	-	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(27.101.848.228)	-	(27.101.848.228)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	-	(1.760.370.991)	(1.760.370.991)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(14.798.702.000)	-	-	(14.798.702.000)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	-	-	-	16.962.570.031	-	-	1.884.730.003	18.847.300.034
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(32.467.500.000)	32.467.500.000	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	115.856.340.820	74.079.253.264	774.411.832.544	481.497.772.329	2.243.559.977.332

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(1.537.150)	(80.162.090.861)	(1.537.150)	(80.162.090.861)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	68.462.850	619.837.909.139	68.462.850	619.837.909.139

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

29. Cổ tức

Trong năm, Công ty không công bố cổ tức (2014: 6.500 VND một cổ phiếu tương đương với 448.288 triệu VND).

30. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a. Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	4.843.200.084	3.221.966.000
Trong vòng hai đến năm năm	11.923.125.147	11.032.080.000
	16.766.325.231	14.254.046.000

b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	324.460.415	540.568.762.313	160.497	3.431.425.860
JPY	91.665.403	17.049.765.702	463.109	82.896.511
		557.618.528.015		3.514.322.371

c. Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	83.605.999.898	88.966.170.870

32. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015 VND	2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	11.453.604.479.235	14.116.022.303.440
▪ Hàng hóa đã bán	990.279.764.142	1.074.298.858.179
▪ Phế liệu đã bán	22.189.834.008	32.205.594.081
▪ Khác	6.268.271.139	2.276.005.782
	12.472.342.348.524	15.224.802.761.482
Các khoản giảm trừ		
▪ Giảm giá hàng bán	(2.595.923.854)	(4.620.478.680)
▪ Hàng bán bị trả lại	(183.122.014.715)	(125.441.329.843)
	(185.717.938.569)	(130.061.808.523)
Doanh thu thuần	12.286.624.409.955	15.094.740.952.959

33. Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND
Thành phẩm đã bán	10.230.252.322.636	12.027.084.721.363
Hàng hóa đã bán	973.134.982.198	1.043.335.905.707
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.394.478.025	6.012.587.828
Khác	4.987.156.405	1.982.777.704
	11.214.768.939.264	13.78.415.992.602

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	99.322.016.086	82.559.627.833
Cổ tức	314.705.000	4.336.359.318
Lãi chênh lệch tỷ giá	74.701.247.324	59.739.809.239
Lãi từ thanh lý công ty con	94.558.760.422	-
Khác	1.508.941.122	-
	270.405.669.954	146.635.796.390

35. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	217.114.918.977	167.134.344.566
Lỗ chênh lệch tỷ giá	212.760.758.625	78.069.620.158
Chi phí phát hành trái phiếu	3.916.666.671	-
Khác	6.790.890.582	12.494.752.818
	440.583.234.855	257.698.717.542

36. Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	29.600.769.655	29.349.630.391
Chi phí nguyên vật liệu	1.243.356.769	1.981.517.731
Chi phí công cụ và dụng cụ	2.084.487.173	2.414.070.989
Chi phí khấu hao	695.180.772	182.598.599
Chi phí vận chuyển	270.436.176.818	278.989.569.421
Chi phí thuê nhà kho	123.135.866.797	91.849.817.636
Phí hoa hồng	266.031.096.561	251.160.639.487
Phí giám sát	4.733.124.609	3.311.409.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.087.335.684	12.740.434.861
Chi phí khác	28.222.676.157	22.735.035.093
	729.270.070.995	694.714.723.573

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	77.972.163.911	81.381.022.713
Chi phí nguyên vật liệu	9.812.442.484	5.978.926.715
Dụng cụ văn phòng	426.547.681	593.535.396
Chi phí khấu hao	11.564.652.974	9.467.140.933
Phí và lệ phí	675.737.607	942.502.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.805.568.153	23.443.218.870
Phí ngân hàng	7.279.685.985	8.016.748.465
Chi phí khác	26.130.886.088	28.014.590.424
	164.667.684.883	157.837.686.476

38. Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	3.085.100.834	-
Các khoản giảm thuế chống bán phá giá nhận được	13.690.059.302	-
Bồi thường nhận được	-	5.119.956.307
Các khoản khác	4.142.854.641	4.642.749.475
	20.918.014.777	9.762.705.782

39. Chi phí khác

	2015 VND	2014 VND
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	-	6.719.080.167
Lỗi từ xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	3.913.827.619	-
Các khoản bị phạt	4.962.608.385	1.531.530.007
Các khoản khác	7.645.511.292	6.683.680.627
	16.521.947.296	14.934.290.801

40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	8.292.718.494.084	13.252.761.976.200
Chi phí nhân công	1.020.649.326.065	1.098.176.369.461
Chi phí khấu hao và phân bổ	173.820.736.920	154.693.123.098
Chi phí dịch vụ mua ngoài	746.564.546.633	646.257.235.361
Chi phí khác	570.564.938.105	646.752.220.677

41. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	62.341.078.548	109.669.788.405
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(5.761.423.945)	2.574.285.931
	56.579.654.603	112.244.074.336
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(37.497.549.845)	14.245.634.327
	19.082.104.758	126.489.708.663

b. Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.136.217.393	1.047.538.044.137
Thuế theo thuế suất của Công ty	1.213.621.739	230.458.369.710
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.728.235.732	1.860.558.352
Ưu đãi thuế	-	(101.747.449.929)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	4.217.119.922	615.458.327
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác nhau áp dụng cho công ty con	16.684.551.310	(7.271.513.728)
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(5.761.423.945)	2.574.285.931
Chi phí thuế thu nhập	19.082.104.758	126.489.708.663

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận phản ánh lỗ tính thuế của các công ty con của Công ty vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

c. Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế đối với các hoạt động chế biến và sản xuất thủy sản và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường đối với các hoạt động kinh doanh.

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”)

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận chịu thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 20% của lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (“Minh Phú - Hậu Giang”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú - Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2011 đến năm 2026 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Hậu Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2012 đến năm 2015 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2024. Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (“Minh Quý”)

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Minh Quý có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (“Minh Phát”)

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Minh Phát có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang (“Minh Phú - Kiên Giang”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Kiên Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Kiên Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2009 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2018.

Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (“Giống Thủy sản Minh Phú”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Giống Thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Giống Thủy sản Minh Phú cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2019.

Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú - Lộc An (“Minh Phú - Lộc An”)

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú - Lộc An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Minh Phú - Lộc An được miễn thuế thu nhập trong một năm đầu kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Minh Phú - Lộc An không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Minh Phú - Lộc An có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú (“Minh Phú Sinh học”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú Sinh học có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2009 đến năm 2023 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú Sinh học cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021.

Công ty TNHH Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú (“Minh Phú Chuỗi cung ứng”)

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú Chuỗi cung ứng có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015 và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016 do sự thay đổi của Luật Thuế thu nhập.

42.Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	32.446.203.539	755.076.670.570
Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.446.203.539	755.076.670.570

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ban Tổng giám đốc chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng

phúc lợi do không chắc chắn liệu các cổ đông có phê duyệt việc trích này hay không trong tình hình kết quả lỗ trong năm 2015.

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông

	2015	2014
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	68.462.850	69.369.440
Ảnh hưởng của mua lại cổ phiếu quỹ trong năm	-	(289.234)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối năm	68.462.850	69.080.206

43. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	2015 VND	2014 VND
Công ty liên kết		
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong		
Góp vốn	-	3.900.000.000
Công ty TNHH Mekong Logistic		
Góp vốn bằng tiền và tài sản các loại	98.000.000.000	-
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng		
Thuê văn phòng	2.259.261.422	2.232.550.049

Các nhân sự chủ chốt

Lương thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt như sau:

	2015 VND	2014 VND
Lương thưởng và trợ cấp	14.791.310.960	18.029.482.581

44. Các giao dịch phi tiền tệ

	2015 VND	2014 VND
Cần trừ các khoản phải thu dài hạn với các khoản phải trả đối với khoản thuế chống phá giá	-	75.821.969.160
Cần trừ thuế giá trị gia tăng được hoàn với thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.949.440.014	48.386.624.564
Phân loại lại các khoản đầu tư ngắn hạn sang phải thu khác	-	7.306.508.578

45. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	1/1/2015 VND (phân loại lại)	1/1/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Chứng khoán kinh doanh	14.811.109.411	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	1.710.788.609.436
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	1.695.977.500.025	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	5.228.239.770
Các khoản phải thu khác	79.083.886.602	73.855.646.832
Đầu tư dài hạn khác	-	7.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	7.000.000.000	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	3.054.294.804
Dự phòng dài hạn	3.054.294.804	-
Quỹ đầu tư phát triển	47.138.548.094	24.382.564.541
Quỹ dự phòng tài chính	-	22.755.983.553
Quỹ khác	-	79.806.684.935
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	843.274.384.403	763.467.699.468

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Người duyệt:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc